

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

I. THÔNG TIN CHUNG.....	5
1. Thông tin khái quát.....	5
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	8
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	9
5. Định hướng phát triển.....	15
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	16
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
2. Tổ chức và nhân sự.....	24
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	26
4. Tình hình tài chính.....	27
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	27
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	28
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	28
2. Tình hình tài chính.....	30
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	32
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	33
5. Báo cáo quản trị rủi ro.....	35
a) Rủi ro về kinh tế.....	35
b) Rủi ro về luật pháp.....	38
c) Rủi ro đặc thù ngành.....	38
d) Rủi ro khác.....	40
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	40
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	40
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	41

3. Các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị	42
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	44
1. Hội đồng quản trị	44
2. Ban kiểm soát.....	50
3. Các giao dịch nội bộ, thù lao HĐQT, BKS.....	51
VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	52
1. Thông điệp của Tổng giám đốc về phát triển bền vững (PTBV).....	52
2. Tổng quan về phát triển bền vững.....	53
a) Khái niệm phát triển bền vững.....	53
b) Tiêu chí phát triển bền vững.....	53
c) Định hướng phát triển bền vững	54
d) Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Bidiphar	54
e) Gắn kết với các bên liên quan	55
3. Nội dung phát triển bền vững tại Bidiphar.....	56
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	60

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
(BIDIPHAR)

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông,

Lời đầu tiên, thay mặt HĐQT, Ban điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty Bidiphar, Tôi xin gửi đến tất cả quý vị lời chúc sức khỏe và lời chào thân ái !

Năm 2017, tình hình kinh tế nước ta có những chuyển biến tích cực về môi trường kinh doanh nhưng vẫn còn khá nhiều khó khăn thách thức mà các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm trong nước phải đối mặt, đó là sự cạnh tranh của sản phẩm trong nước với sản phẩm nhập khẩu, cạnh tranh giữa các nhà sản xuất trong nước.

Với truyền thống đoàn kết, sáng tạo, phát huy tốt nhất nội lực của toàn thể cán bộ công nhân viên. Bidiphar đã thực hiện đồng bộ các giải pháp cho phát triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội và bảo vệ môi trường.

Đầu tư nghiên cứu phát triển (R&D), nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nhằm tăng năng lực cạnh tranh cho sản phẩm, xây dựng hệ thống phân phối hiện đại, phát triển mở rộng thị trường, phát huy có hiệu quả phần mềm quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp SAP-ERP, tiết giảm tối đa chi phí, hoàn thiện cơ chế kinh doanh, bám sát nhu cầu của từng khu vực thị trường, tổ chức phân tích thường xuyên tình hình tài chính, chú trọng công tác quản trị, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho việc ra các quyết định quản lý, ... là các giải pháp mà Bidiphar đã và đang triển khai thực hiện.

Nhờ vậy, năm 2017 mặc dù doanh thu chỉ tăng 1% do phải cạnh tranh về giá, nhưng lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 17%, hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, bảo đảm lợi ích cổ đông, người lao động, khách hàng. Cùng với đó, Bidiphar được Thủ tướng Chính phủ trao Giải Vàng Chất lượng Quốc gia năm 2017 của nhóm doanh nghiệp sản xuất lớn theo Quyết định số 403/QĐ-TTG ngày 13/4/2018.

Đạt được những thành quả này nhờ sự đồng hành với Bidiphar của tất cả Quý cổ đông, Quý khách hàng, các nhà đầu tư, Chúng tôi trân trọng và xin gửi đến tất cả Quý vị lời cảm ơn chân thành nhất !

Năm 2018, Việt Nam được dự báo tiếp tục đà tăng trưởng cao ước đạt 6,5-6,8%; Năm đầu tiên ký kết hiệp định CPTPP; Thị trường dược phẩm đang thu hút nhiều nhà đầu tư. Ngành dược được dự đoán sẽ thay đổi mạnh mẽ với sự tham gia của những ông lớn trên thị trường bán lẻ, phân phối như Thế giới Di động, FPT Retail, Digiworld, Nguyễn Kim, Vingroup. Bên cạnh đó, sự hiện diện ngày càng sâu rộng của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài vào khâu sản xuất tại Việt Nam như Sanofi, Abbott, các nhà đầu tư Nhật bản, ... cũng đang tạo ra áp lực khá lớn với các doanh nghiệp dược trong nước. Mức độ cạnh tranh trong thị trường dược phẩm sẽ diễn ra khốc liệt hơn. Tuy nhiên

Chúng tôi tin tưởng rằng nó cũng sẽ mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước về khả năng tiếp cận, liên kết hợp tác công nghệ với các doanh nghiệp lớn nước ngoài. Hội nhập cũng là tiền đề để Bidiphar thay đổi, đổi mới.

Bidiphar đã định hướng chiến lược sẵn sàng cho khả năng hội nhập sâu rộng, đó là việc đầu tư các dự án mở rộng sản xuất theo tiêu chuẩn GMP PIC/s-EU, đầu tư thêm các thiết bị hiện đại cho Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) nhằm nghiên cứu các sản phẩm có giá trị và hàm lượng chất xám cao, xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại, phát triển hệ thống phân phối vững mạnh,

Với kết quả đạt được trong năm 2017, với sự quyết tâm cao nhất của các thành viên HĐQT, Ban điều hành, người lao động làm việc tại Bidiphar và sự ủng hộ của Quý cổ đông, khách hàng, chúng tôi tin tưởng hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi cam kết sẽ nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Bidiphar trong tương lai bảo đảm lợi ích cổ đông, người lao động, khách hàng.

Kính chúc Quý cổ đông, Quý khách hàng Sức khỏe, Hạnh phúc và Thành công !

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

BINH DINH PHARMACEUTICAL AND MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100259564

- Vốn điều lệ: 523.790.000.000 đồng

- Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học – phường Quang Trung - thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định

- Số điện thoại: 056.3846500

- Số fax: 056.3846846

- Website: <http://www.bidiphar.com>

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Các tổ chức tiền thân Bidiphar

Năm 1976 – Từ nền tảng Xưởng Dược thuộc Ban quân dân y khu 5, hình thành các đơn vị của tỉnh hoạt động trong ngành dược và trực thuộc Ty Y tế Nghĩa Bình, bao gồm: Công ty Dược phẩm Dược liệu Nghĩa Bình (chuyên về phân phối, trụ sở tại thị xã Quy Nhơn), Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình (chuyên về sản xuất, trụ sở tại thị xã Quảng Ngãi), Công ty vật tư Y tế Nghĩa Bình (chuyên kinh doanh vật tư, thiết bị y tế, trụ sở tại 34 Ngô Mây Quy Nhơn), Trạm nghiên cứu Dược liệu Nghĩa Bình (chuyên phát triển nuôi trồng và nghiên cứu dược liệu, có trụ sở tại thị xã Quy Nhơn).

Năm 1979 – Thành lập Phân xưởng phủ tạng tại 363-371 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn trực thuộc Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình.

Năm 1980 - Trên cơ sở Phân xưởng phủ tạng thành lập Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình trực thuộc Ty Y tế Nghĩa Bình.

Xí nghiệp bao gồm các phân xưởng cơ bản sau: phân xưởng thuốc Nước, phân xưởng phi-tin sản xuất thuốc viên từ cám gạo, phân xưởng Berberrin, phân xưởng thuốc viên, phân xưởng sản xuất cao xoa các loại, phân xưởng dầu cá,....

Năm 1983 – Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển trực thuộc Xí nghiệp Liên hợp Dược Nghĩa Bình.

Năm 1986 – Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển Nhà máy sản xuất về tại 498 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn hoạt động sản xuất cho đến nay. Trong giai đoạn này Xí nghiệp chỉ thực hiện nhiệm vụ sản xuất theo đơn đặt hàng của Liên hợp Dược Nghĩa Bình.

Năm 1988 – Chuyển Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình sang mô hình hoạt động hạch toán kinh tế độc lập, không phụ thuộc vào việc đặt hàng theo kế hoạch từ Công ty Dược phẩm dược liệu Nghĩa Bình.

b) Thành lập thương hiệu Bidiphar và các giai đoạn phát triển

Năm 1989 – Chính phủ tách địa giới hành chính tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình được đổi tên thành Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định (viết tắt là Bidiphar).

Năm 1994 – Bidiphar liên doanh với Xí nghiệp Dược phẩm Chăm pa sắc-Lào thành lập Công ty liên doanh dược phẩm hữu nghị Champasac-Bình Định, có trụ sở tại tỉnh Champasack Lào, gọi tắt là Công ty CBF Pharma Co.,Ltd. Trong đó Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định chiếm 80% vốn điều lệ.

Năm 1995 - Ngày 05/05/1995 – theo Quyết định số 922/QĐ-UB của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc hợp nhất 02 đơn vị là Công ty Dược Vật tư Y tế Bình Định và Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định thành lập Công ty Dược-Trang thiết bị Y tế Bình Định, trong đó nòng cốt là Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định.

Năm 1999 – Thực hiện chủ trương cổ phần hóa, tách Phân xưởng In và Bao bì, một đơn vị trực thuộc của Bidiphar thành lập Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định. Bidiphar đầu tư xây dựng Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - ASEAN đầu tiên.

Năm 2005 – Thành lập mới 02 đơn vị trực thuộc là Công ty TNHH MTV do Bidiphar làm chủ sở hữu 100% vốn:

- Tách Xí nghiệp Nước khoáng Chánh Thắng (đơn vị hạch toán trực thuộc Bidiphar) thành lập Công ty TNHH MTV Nước Khoáng Quy Nhơn theo Quyết định 1275/QĐ-CTD ngày 28/12/2005 của Giám đốc công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm.
- Thành lập mới Công ty TNHH MTV Muối Bình Định từ Xí nghiệp Muối I ốt trực thuộc, hoạt động sản xuất kinh doanh muối iốt và thực phẩm khác, theo Quyết định số 1166/QĐ-CTD ngày 25/11/2005 của Giám đốc Công ty Dược-TTBYT Bình Định.

Năm 2006 – Bidiphar chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, theo Quyết định thành lập số 102/2006/QĐ-UBND ngày 27/06/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần khoáng sản Biotan, hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Bidiphar chiếm 10% vốn điều lệ.

Đầu tư nâng cấp Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

Năm 2007: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar, quản lý vốn đầu tư sang Lào: trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Sê kông, CHDCND Lào. Bidiphar chiếm 30% vốn điều lệ.

Năm 2008 – Tách bộ phận sản xuất dược phẩm thuộc Bidiphar thực hiện cổ phần hóa thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1.

Năm 2009: Thực hiện tái cơ cấu vốn đầu tư tại Công ty CBF Pharma, Bidiphar thực hiện chủ trương của tỉnh bán hết phần vốn nhà nước tại Công ty CBF Pharma và hoàn tất việc thu hồi vốn vào tháng 12/2011, để chuyển sang các dự án đầu tư khác.

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nước khoáng Chánh thắng thành lập Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn. Bidiphar chiếm 30% vốn điều lệ.

Năm 2010 – chuyển công ty mẹ từ doanh nghiệp nhà nước sang hình thức Công ty TNHH 01 TV do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, Bidiphar bắt đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp cho đến nay.

Năm 2012: Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Bình Định, thành lập Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định, hoạt động từ ngày 01/01/2013. Bidiphar chiếm 42,28% vốn điều lệ.

Năm 2013: tiến hành cổ phần hóa Bidiphar theo Quyết định số 3439/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định thành công ty cổ phần.

Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Nước khoáng Quy Nhơn.

Năm 2014: Chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/03/2014 sau khi tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập..

Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định.

Năm 2015 Hoàn tất sáp nhập Bidiphar 1 vào Bidiphar và chính thức hoạt động vào 01/01/2015. Vốn điều lệ 419,182 tỷ đồng, trong đó nhà nước chiếm giữ 41,65% vốn điều lệ.

Năm 2016: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 523,79 tỷ đồng, cổ đông nhà nước không tham gia tăng vốn do đó tỷ lệ vốn nhà nước chiếm giữ giảm còn 33,34%.

Mục tiêu tăng vốn nhằm phát triển các dự án mới của Bidiphar tại Khu kinh tế Nhơn Hội (đầu tư vào các công ty con thành lập mới)

Thành lập mới 03 công ty 100% vốn của Bidiphar nhằm thực hiện các dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-EU/PICs:

- Công ty TNHH MTV Bidiphar Công nghệ cao
- Công ty TNHH MTV Bidiphar Betalactam
- Công ty TNHH MTV Bidiphar Non-Betalactam.

Năm 2017:

Niêm yết cổ phiếu : Công ty tiến hành đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM vào ngày 16/01/2017 với mã cổ phiếu là DBD.

Thoái vốn nhà nước : Theo chủ trương của UBND tỉnh Bình Định, chủ sở hữu vốn nhà nước tại Bidiphar, đã tiến hành thoái vốn trong tháng 11/2017, tỷ lệ Nhà nước nắm giữ giảm từ 33,34% còn 13,34% vốn điều lệ.

c) Những dấu mốc quan trọng ứng dụng KHCN vào sản xuất dược phẩm

Năm 1992: Nghiên cứu và sản xuất thuốc Tiêm kháng sinh Gentamicin.

Năm 1997: Nghiên cứu và sản xuất Dung dịch Tiêm truyền kháng sinh và Axit amin. Đổi mới trong quản lý chất lượng sản phẩm kết hợp một cách có hiệu quả ISO 9001 và GPs.

Năm 2003: Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ bào chế thuốc tiêm đông khô

Năm 2010: Nghiên cứu thành công và sản xuất thuốc điều trị ung thư.

Năm 2015: Triển khai thành công hệ thống ứng dụng Quản trị tổng thể nguồn lực SAP-ERP.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất dược phẩm, dược liệu
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm

- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt
- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton
- In ấn
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết kiệm, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế
- Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ
- Khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính của công ty là sản xuất, mua bán hàng dược phẩm, dược liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, vật tư ngành y tế.

b) Địa bàn kinh doanh

Trong nước và xuất khẩu

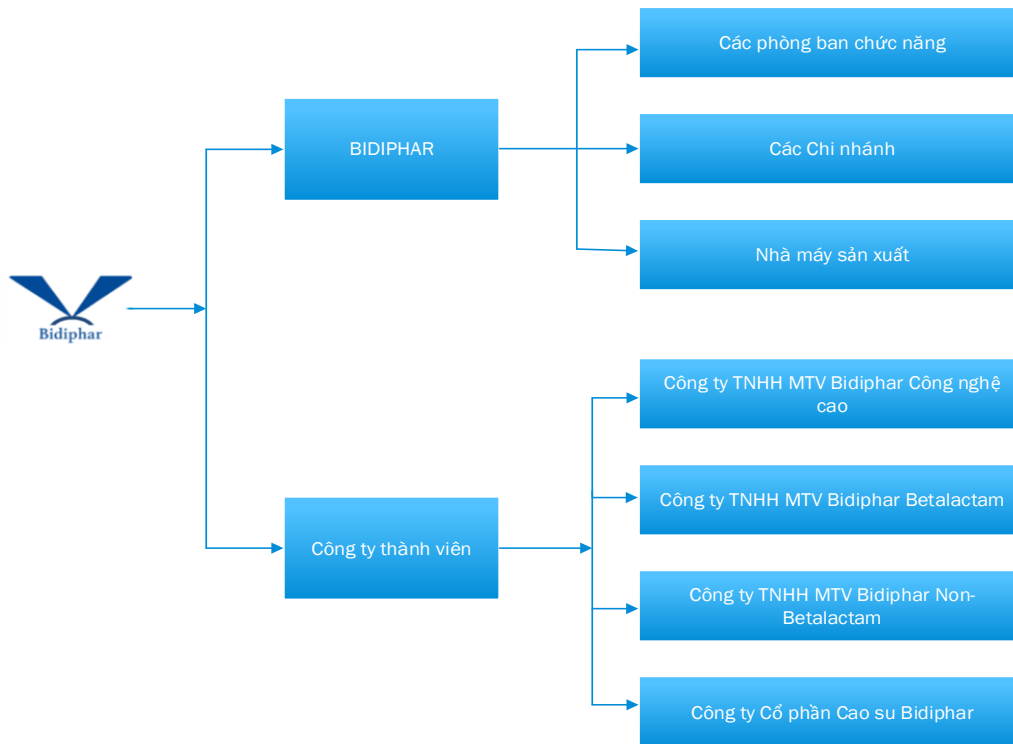
Trong nước : phân phối hàng hóa thông qua 21 Chi nhánh trong cả nước.

Xuất khẩu : một số nước chủ yếu như : Lào, Campuchia, Mông Cổ.

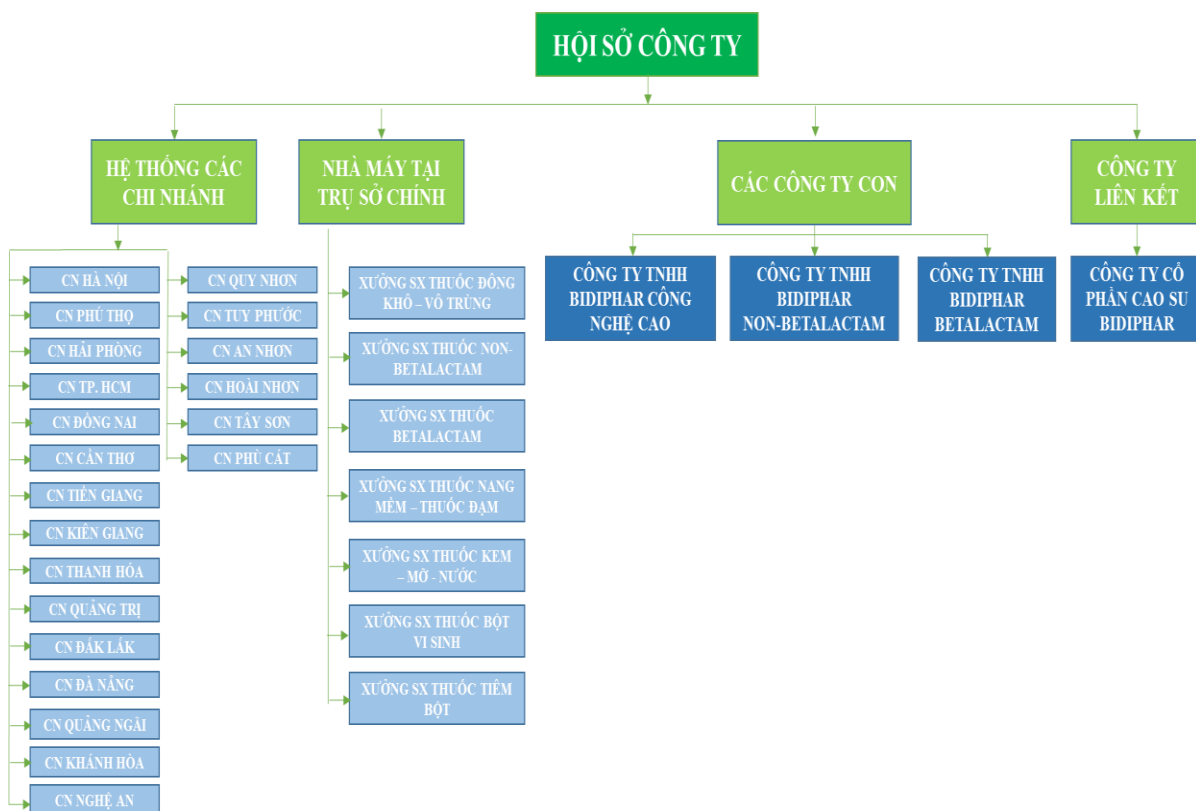
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị

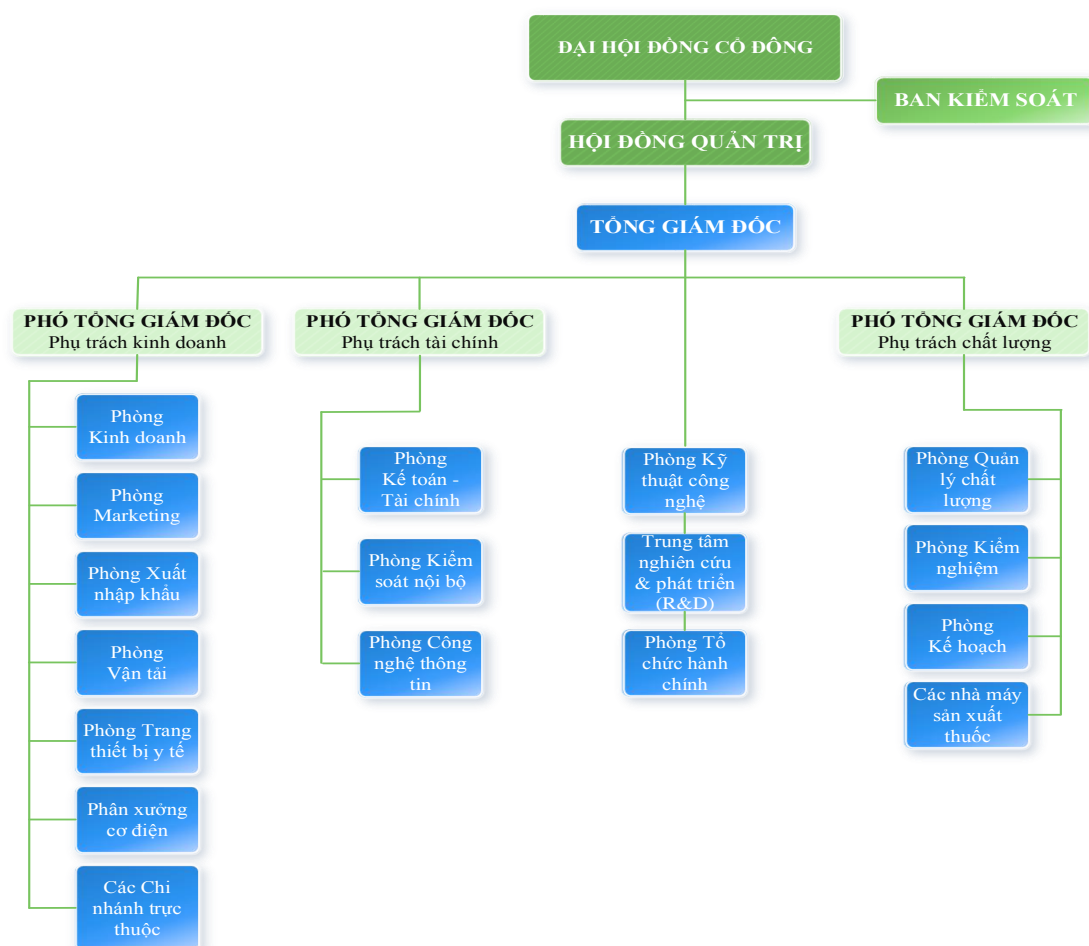
Mô hình tổng quan :



Mô hình quản trị chi tiết các đơn vị trực thuộc



b) Cơ cấu bộ máy quản lý



c) Giới thiệu các nhà máy sản xuất

*Các Nhà máy sản xuất dược phẩm :

Bidiphar hiện có 7 xưởng sản xuất thuốc chính tại trụ sở Công ty với 12 dây chuyền công nghệ sản xuất hiện đại và khép kín theo tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” của Tổ chức Y tế Thế giới GMP - WHO, bao gồm dây chuyền sản xuất thuốc tiêm đông khô, dây chuyền sản xuất thuốc tiêm kháng sinh, dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư, dây chuyền sản xuất thuốc viên, dây chuyền sản xuất thuốc nhỏ mắt, dây chuyền sản xuất viên nang mềm với các máy móc thiết bị trang bị mới 100% phần lớn được nhập khẩu từ Châu Âu, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc giúp đáp ứng chất lượng, công suất, phục vụ nhu cầu sản xuất và nghiên cứu phát triển các sản phẩm đặc trị; trong đó có các dây chuyền tiêu biểu như sau:

STT	Dây chuyền sản xuất	Mô tả
1	Dây chuyền sản xuất thuốc tiêm đông khô	Hệ thống thiết bị hoàn toàn tự động từ đầu vào đến đầu ra, sử dụng công nghệ tiết kiệm bằng nhiệt khô, nhiệt ẩm, công nghệ đông khô

2	Dây chuyền sản xuất thuốc tiêm kháng sinh	Với 2 dây chuyền β -lactam 1 và β -lactam 2 được xây dựng độc lập; tự động hóa từ khâu xử lý chai lọ đến đóng thuốc vào lọ, đậy nút, khăn nắp.
3	Dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư	Tích hợp 3 công nghệ: công nghệ sản xuất thuốc vô trùng, công nghệ đông khô, công nghệ cách ly
4	Dây chuyền sản xuất thuốc viên	Gồm các dây chuyền non- β -lactam và β -lactam với các dạng bào chế: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao, viên sủi bọt, viên phóng thích kéo dài
5	Dây chuyền sản xuất thuốc nhỏ mắt	Được thiết kế 1 chiều, khép kín, với các cấp độ sạch nghiêm ngặt, sử dụng công nghệ sản xuất thuốc vô trùng.
6	Dây chuyền sản xuất viên nang mềm	Thiết bị hiện đại, hoàn toàn tự động, sử dụng công nghệ đồng hóa, công nghệ ép màng

Các sản phẩm dược phẩm nổi bật :

BDF – FDACell 50



Etoposid Bidiphar



Augbidil



Oraptic



Bestdocel



Lyoxatin



Bifumax



Latoxol



Altamin



Phospha Gaspain



Calonates



Albinax 70mg



Nhà máy sản xuất trang thiết bị y tế :

Ngoài lĩnh vực chính là sản xuất dược phẩm, Bidiphar còn đầu tư một bộ phận chuyên sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực trang thiết bị y tế, bao gồm Phân xưởng cơ điện chuyên sản xuất sản phẩm và Phòng thiết bị y tế chuyên kinh doanh trang thiết bị y tế. Với mục tiêu vừa tiêu dùng nội bộ phục vụ sản xuất tại các nhà máy công ty, vừa kinh doanh sản phẩm ra bên ngoài. Doanh số hàng năm kênh này đóng góp khoảng 110-120 tỷ đồng vào doanh thu chung của hệ thống.

Các sản phẩm thiết bị y tế nổi bật :

Tủ sấy tĩnh BDF



Nồi hấp tiệt trùng chai nhựa



Nồi hấp tiệt trùng



Máy rửa chai nhỏ mắt



Tủ vi khí hậu



Lò đốt chất thải rắn y tế



Máy cắt nước đa hiệu ứng



Máy cắt nước



Lavabor rửa tay tiệt trùng



Hiện Bidiphar cũng đã nghiên cứu và chế tạo thành công sản phẩm chuyên dùng cho y tế là : Isolator, đây là thiết bị chuyên dụng dùng để tạo ra không gian cách ly giữa con người và môi trường làm việc có các vi khuẩn, hóa chất độc hại, ... tránh cho người làm việc tiếp xúc với hóa chất, vi khuẩn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của kỹ thuật viên trong quá trình sản xuất, điều chế thuốc ung thư. Sản phẩm nằm trong Dự án nghiên cứu khoa học cấp nhà nước và đã được Viện Trang thiết bị và Công trình Y tế thuộc Bộ Y Tế đánh giá và phân loại là trang thiết bị y tế loại A theo Quyết định số 36/170000001/PCBBPL-BYT. Hiện nay, tại Việt Nam chưa có đơn vị nào sản xuất thiết bị Isolator mà chủ yếu là nhập khẩu thiết bị về để cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng; hoặc các đơn vị nhập khẩu mua cả dây chuyền sản xuất trong đó có thiết bị Isolator.

Nhằm đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong nước với giá thành phù hợp, Bidiphar đã tìm hiểu, nghiên cứu và chế tạo thành công thiết bị cách ly (Isolator) để phục vụ cho việc nghiên cứu, điều chế hoặc phân liều thuốc điều trị ung thư thay thế cho thiết bị ngoại nhập.

d) Các công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%) của Bidiphar	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
Công ty TNHH Một thành viên Bidiphar Công nghệ cao	Bình Định	Kinh doanh, sản xuất dược phẩm	100%	100%
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Bình Định	Kinh doanh, sản xuất dược phẩm	100%	100%
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	Bình Định	Kinh doanh, sản xuất dược phẩm	100%	100%
Công ty CP Cao su Bidiphar	Bình Định	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến và kinh doanh mủ cao su.	33,58%	33,58%

Sơ lược về việc hình thành 03 Công ty con 100% vốn của Bidiphar

Với chiến lược phát triển trong giai đoạn 2016-2020 là tập trung mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển nhà máy mới ; vì vậy ngay trong quý IV năm 2016 Bidiphar đã thành lập 03 con 100% vốn Bidiphar nhằm đáp ứng:

- Với sự thay đổi trong chính sách quản lý của Nhà nước về định hướng phát triển Ngành Dược trong những năm tới đây theo hướng áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất cao hơn và phù hợp với các nhóm nước phát triển như GMP-PICs, GMP-EU, nhằm gia tăng chất lượng sản phẩm và tạo điều kiện xuất khẩu sản phẩm sang các nước phát triển;
- Nâng cao vị thế thương hiệu Bidiphar bằng giải pháp đổi mới công nghệ và các sản phẩm sáng tạo, tạo sự khác biệt trong cạnh tranh bằng các dòng sản phẩm có hàm lượng chất xám cao;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại nhằm hướng đến các giải pháp hợp tác, liên kết phát triển với các nước tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu trong ngành dược phẩm.
- Mở rộng thị trường phân phối, đặc biệt là hướng đến thị trường xuất khẩu một số nước Châu á và Châu Âu với các tiêu chí khắt khe hơn về tiêu chuẩn chất lượng.

Công ty cổ phần Cao su Bidiphar

Là doanh nghiệp được thành lập tại Bình Định vào tháng 09/2007, theo chủ trương của UBND Tỉnh Bình Định để thay thế Bidiphar quản lý vốn đầu tư ra nước ngoài trong Dự án trồng và chế biến mủ cao su tại Tỉnh Sê- kông, Nam Lào . Vốn điều lệ là 212,8 tỷ đồng, trong đó Bidiphar chiếm tỷ lệ sở hữu là 33,58%. Ngành nghề kinh doanh chính là trồng và khai thác các loại cây nông, lâm nghiệp; chủ yếu là cây cao su, cây lấy gỗ.

Công ty cổ phần cao su Bidiphar liên doanh với Công ty CBF Pharma (Lào) thành lập Công ty cao su Hữu nghị Lào-Việt (LVF) có trụ sở tại Tha-Teng Tỉnh Sê-Kong. Vốn điều lệ công ty LVF là 20 triệu USD, trong đó Công ty Cao su Bidiphar góp 80%. Hiện tổng diện tích vườn cây trồng sở hữu là 3.000 ha (trong đó cao su đến kỳ khai thác chiếm 85%), và Nhà máy chế biến mủ cao su với công suất 6.000 tấn/năm. Sau 07 năm thời kỳ xây dựng cơ bản trồng và chăm sóc, năm 2015 hoàn thành xây dựng nhà máy chế biến và bắt đầu khai thác mủ. Hiện nay sản lượng sản xuất cao su cốm thành phẩm khoảng 3.000 tấn/năm. Doanh thu năm 2017 của LVF khoảng 130 tỷ đồng.

5. Định hướng phát triển

a) Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

Phát triển thành một thương hiệu mạnh bền vững, có tiềm lực về tài chính, phương pháp quản lý, điều hành tiên tiến;

Tạo việc làm, ổn định đời sống và tăng thu nhập cho người lao động;

Gia tăng lợi ích cho nhà đầu tư;

Đóng góp nguồn thu ngân sách, góp phần phát triển kinh tế xã hội, phát triển cộng đồng.

b) Định hướng Phát triển bền vững

Gắn với mục tiêu đã đặt ra, Công ty sẽ phát triển một Chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích.

Việc đáp ứng lợi ích của cổ đông thông qua thực thi chính sách đảm bảo chất lượng của sản phẩm sẽ đi kèm với việc đảm bảo một môi trường làm việc với độ thỏa mãn cao.

Công ty cam kết và đảm bảo các khoản đóng góp đối với Nhà nước và Cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và các khoản đóng góp xã hội khác. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc bảo vệ môi trường và sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý.

c) Định hướng quản trị rủi ro

Công ty hiện tại chú trọng quản lý các rủi ro như sau :

- Rủi ro về kinh tế : bao gồm các rủi ro về tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,...
- Rủi ro về luật pháp : các rủi ro về chính sách vĩ mô ảnh hưởng hoạt động , rủi ro về việc cập nhật chính sách pháp luật,...
- Rủi ro đặc thù ngành : rủi ro về biến động giá cả nguồn nguyên liệu, biến động tỷ giá, rủi ro về hàng giả, hàng nhái, rủi ro cạnh tranh,...
- Rủi ro khác

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Một số nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Những thuận lợi ảnh hưởng tích cực hoạt động công ty :

Năm 2017 nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng có nhiều khởi sắc, môi trường kinh doanh được cải thiện, mặt bằng lãi suất, tỷ giá ngoại tệ tương đối ổn định, nguồn vốn tài trợ cho hoạt động doanh nghiệp dồi dào để tiếp cận, đó là những yếu tố ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh. Ngành dược phẩm trong nước cũng được hưởng lợi từ những yếu tố tích cực nêu trên.

Với mục tiêu nâng cao công nghệ và kỹ thuật sản xuất, trong năm 2017, Bidiphar đã ký kết hợp tác thành công với Tập đoàn Kyorin (Nhật Bản) về việc liên kết, hợp tác kỹ

thuật chuyên môn sản xuất dược phẩm. Điều này mang đến nhiều thuận lợi cho sự phát triển về nghiên cứu và sản xuất cho Bidiphar, tạo điều kiện để tăng sức mạnh cạnh tranh với các đối thủ khác trong cùng ngành trên thị trường.

Chính phủ, Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược Việt Nam có những chính sách quốc gia thúc đẩy phát triển công nghiệp dược, khuyến khích hệ thống điều trị và các đối tác khách hàng quan tâm đến việc sử dụng thuốc sản xuất trong nước có chất lượng cao.

Bidiphar tiếp tục sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư, đạt các chuẩn GPs, lực lượng lao động được đào tạo, huấn luyện, luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, phân phối thuốc của doanh nghiệp.

Thương hiệu của Công ty tiếp tục khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bên cạnh những thuận lợi khách quan đến từ các hiệp định thương mại, tình hình thị trường thuận lợi và các chính sách ưu đãi đối với ngành dược của Nhà nước còn có sự nỗ lực vươn lên trong hoạt động của tập thể lãnh đạo, người lao động và cổ đông trong Bidiphar. Nhằm mục tiêu đem lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao so với các doanh nghiệp dược khác trong nước.

Những khó khăn ảnh hưởng hoạt động công ty

Các chính sách quản lý ngành còn nhiều thay đổi đòi hỏi doanh nghiệp phải tập trung đầu tư nhiều hơn chi phí, thời gian thực hiện và kiểm soát để đáp ứng các yêu cầu.

Sự phát triển tăng tốc của ngành dược đã thúc đẩy nhiều công ty, cá nhân đầu tư tham gia vào ngành này dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt về giá, lao động thường xuyên biến động ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của các công ty.

Việc thanh toán công nợ của hầu hết các bệnh viện tỉnh ngày càng kéo dài với quy mô lớn. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu trong năm 2017 của Bidiphar do gần 70% doanh thu của Công ty đến từ kênh bán thuốc theo hình thức đầu thầu cho các bệnh viện và cơ sở y tế công lập.

Sự cạnh tranh gay gắt về giá giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước, doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp nước ngoài và có vốn đầu tư nước ngoài có công nghệ hiện đại, tiềm lực tài chính mạnh, kinh nghiệm quốc tế, nguồn nhân lực có trình độ, cùng với tâm lý chuộng hàng ngoại là những nguyên nhân mà thuốc trong nước chỉ chiếm gần 50% thị phần cả nước và rất khó tăng thị phần. Con số này vừa thể hiện cơ hội, tiềm năng nhưng mặt khác là thách thức không nhỏ cho doanh nghiệp dược trong nước để tăng giá trị thuốc sản xuất trong nước chiếm 70% thị phần theo chủ trương của Chính phủ.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh Bidiphar trong năm 2017 :

TT	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2016	KH 2017	TH 2017	% TH 2017/ KH 2017	% TH 2017/ TH 2016
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	773		833		108%
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	524	524	524	100%	100%
3	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.443	1.500	1.460	97%	101%
4	Giá trị kim ngạch xuất khẩu	Nghìn USD	862	1000	1.108	111%	129%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	176	190	204	107%	116%
5.1	Lợi nhuận từ SXKD	Tỷ đồng	166	180	195	108%	117%
5.2	Lợi nhuận hợp nhất từ Công ty liên kết	Tỷ đồng	10	10	8	75%	75%
5.3	Lợi nhuận Khác	Tỷ đồng			1		
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	141	152	164	108%	117%
7	Tổng đã nộp ngân sách	Tỷ đồng	68	Theo luật	69		101%
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15%		15%		
9	EPS (Thu nhập trên mỗi cổ phiếu)	đ/cp	2.789		2.825		
10	ROS	%	10%		11%		
11	ROE	%	19%		20%		
12	ROA	%	11%		11%		
13	Tổng số lao động	Người	1.153		1.172		102%
14	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr/đồng	8	8,5	8,5	100%	106%

c) Một số nét nổi bật trong hoạt động năm 2017

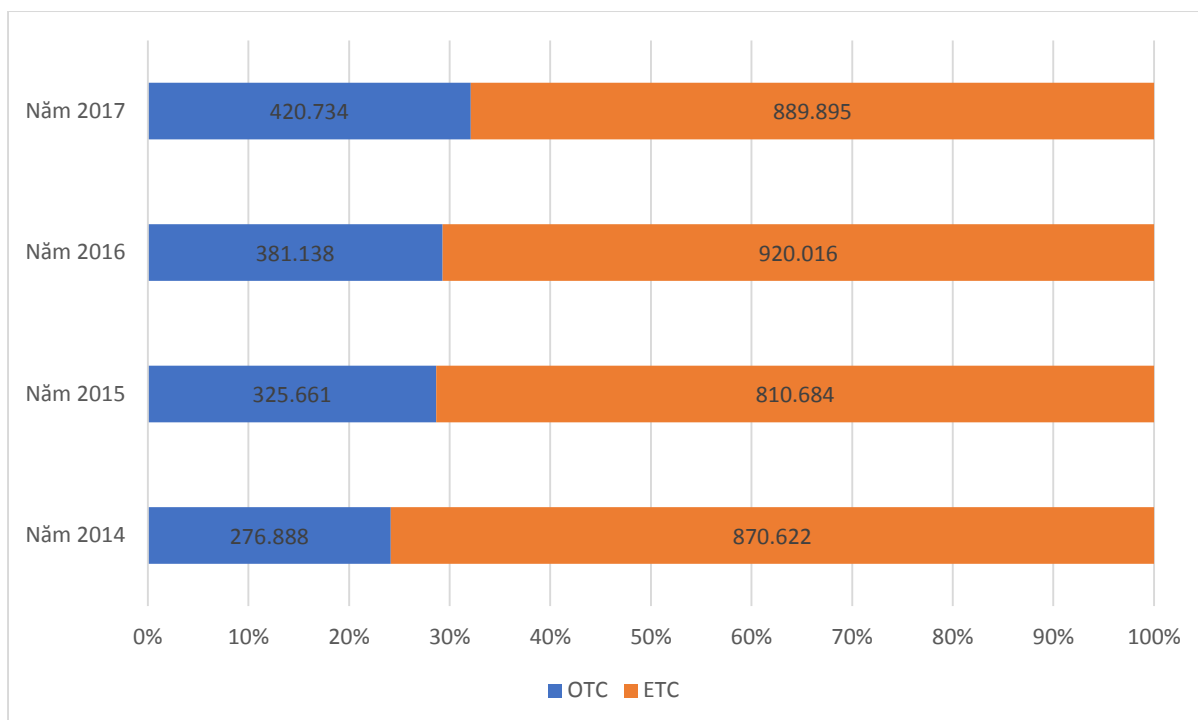
i. Về công tác thị trường

Doanh thu toàn Công ty trong năm 2017 đạt **1.460** tỷ đồng.

Bảng tăng trưởng doanh số theo kênh bán hàng giai đoạn 2014 – 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Kênh bán hàng	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	OTC	276.888	325.661	381.138	420.734
2	ETC	870.622	810.684	920.016	889.895
	Tổng	1.147.510	1.136.345	1.301.154	1.310.630



Biểu đồ tăng trưởng doanh số theo kênh bán hàng giai đoạn 2014 – 2017

Hệ thống phân phối dược phẩm: Thành lập mới Chi nhánh Bidiphar Kiên Giang và Tiền Giang. Hiện nay Bidiphar có 21 Chi nhánh trên khắp cả nước.

Công tác phát triển Câu lạc bộ khách hàng Bidiphar cũng đạt được kết quả cao, số lượng khách hàng đạt danh hiệu năm 2017 đạt 1.411 khách hàng, tăng trưởng 12% so với năm 2016. Doanh số CLB khách hàng Bidiphar chiếm >80% doanh số OTC dược phẩm Công ty sản xuất.

Ứng dụng công nghệ thông tin (SAP-ERP) trong công tác logistics, hỗ trợ bán hàng hiệu quả, tăng tính tương tác trực tiếp với khách hàng, đảm bảo tính chuyên nghiệp, kịp thời và tiết kiệm chi phí.

Hoạt động kinh doanh TTBYT: giữ vững thị phần tại các thị trường hiện có, mở rộng ra các thị trường mới tại TPHCM, KonTum, Gia Lai, Khánh Hòa, Phú Yên, Nghệ An... Tiếp tục là nhà phân phối độc quyền một số các mặt hàng truyền thống: Găng tay (Bidiphar Top Glove), huyết áp kế (ALPK).

Về mảng sản xuất TTBYT, ngoài việc sản xuất các mặt hàng thiết bị truyền thống như máy giặt, máy cắt nước, nồi hấp công nghiệp phục vụ sản xuất dược phẩm,... trong năm Công ty chế tạo thành công và đưa ra thị trường thiết bị chuyên dụng Isolator phục vụ cho sản xuất dược phẩm và việc pha chế thuốc tại các cơ sở điều trị, với giá thành rẻ so với sản phẩm ngoại nhập.

ii. Về hoạt động marketing

Kết quả nổi bật trong năm là đã hoàn thành xây dựng quy trình, hệ thống hướng dẫn nhóm chuyên biệt bán hàng thuốc điều trị ung thư tại 03 miền Bắc - Trung - Nam. Hoạt động này đã góp phần quan trọng đưa doanh thu thuốc điều trị ung thư tăng 140% so với năm 2016, chiếm 13% trên tổng doanh thu dược phẩm toàn Công ty.

Hoạt động xúc tiến thương mại

Trong năm 2017, phòng Marketing tiếp tục duy trì tham gia chương trình Hội chợ HVNCLC tại Cần Thơ, Bình Định, Đồng Nai, quảng bá thương hiệu thực phẩm chức năng cho nhãn hàng Calonate, Thìa Canh Bidiphar.

Đến năm 2017, Bidiphar đã đạt danh hiệu HVNCLC 15 năm liên tiếp.

Quảng cáo thương hiệu, hình ảnh và sản phẩm của Công ty trên một số tờ báo có uy tín.

Triển khai nhóm khảo sát thị trường riêng biệt phục vụ cho công tác định hướng phát triển Sản phẩm, chính sách chiến lược của Công ty.

Hoạt động chăm sóc khách hàng

Tổ chức gặp mặt tri ân hơn 2.000 khách hàng khối OTC toàn quốc kết hợp với các chương trình xúc tiến bán hàng định kỳ của năm 2017.

Tổ chức cho hơn 750 khách hàng khối ETC tham gia hội nghị tri ân và du lịch cùng với gia đình Bidiphar tại nhiều địa điểm hấp dẫn như: Nha Trang, Đà Lạt, Nhật Bản...

Hoạt động phát triển thương hiệu

Hoàn thành bộ mẫu thiết kế nhận diện sản phẩm cho các nhóm thuốc, thay đổi mẫu mã sản phẩm theo bộ thiết kế tiêu chuẩn và các hoạt động nhận diện thương hiệu thông qua các sự kiện truyền thông.

Thực hiện các videoclip về hoạt động của công ty để giới thiệu trong các chương trình Hội nghị, hội thảo. Biên tập các slide để giới thiệu với khách hàng. Phối hợp tuyên truyền về các hoạt động, sản phẩm của công ty trên truyền hình Bình Định, Cần Thơ, Đồng Nai, VTV...

Đạt giải thưởng Thương mại dịch vụ tiêu biểu năm 2016 của Bộ Công thương; Tham dự giải thưởng CLQG 2017: đã hoàn tất Hồ sơ, thủ tục, thẩm định hội đồng quốc gia; dự kiến đạt giải Vàng CLQG; Tổ chức VNR (VietNamReport) tiếp tục đánh giá xếp loại Bidiphar nằm trong top 10 các Công ty sản xuất dược phẩm của Việt Nam.

iii. Về công tác sản xuất và đảm bảo chất lượng

Quá trình sản xuất: 100% được kiểm soát chặt chẽ từ khâu nguyên liệu đầu vào đến sản xuất lưu kho và lưu thông trên thị trường.

Công tác thẩm định theo quy định GMP (thẩm định MTSX, thẩm định HVAC, thẩm định vệ sinh, thẩm định hệ thống nước, hệ thống khí...) được triển khai đúng tiến độ, góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Cập nhật hệ thống chất lượng phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001:2015

Triển khai cập nhật các quy định mới của GPs và ISO thành các SOP cụ thể và triển khai thực hiện. Quản lý hệ thống tài liệu, hồ sơ được cải thiện theo hướng chặt chẽ và có kiểm soát: trong năm đã ban hành, sửa đổi 258 tài liệu của hệ thống QLCL, trong đó ban hành mới 64 SOP và 29 SOP-SAP.

Đã triển khai khá tốt việc kiểm soát các thay đổi so với hồ sơ đăng ký thuốc theo đúng quy định của Cục Quản dược-Bộ Y tế.

Phòng Kiểm nghiệm được đánh giá công nhận đạt theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 vào tháng 8 năm 2016 đã góp phần mang lại một số lợi thế cho công ty trong việc: tăng năng suất giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh và uy tín về mặt chất lượng sản phẩm.

iv. Về công tác đầu tư

Tổng giá trị đầu tư giải ngân 2017 là 36 tỷ đồng, bao gồm :

Đầu tư nâng cấp nhà xưởng, hệ thống kho tàng, phòng kiểm nghiệm và đổi mới công nghệ phục vụ sản xuất.

Hoàn thiện thiết kế ý tưởng, thiết kế chi tiết cho Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư theo tiêu chuẩn GMP-EU/PICs và hồ sơ được tham vấn tại Cơ quan Quản lý Dược Phẩm tại Tây Ban Nha. Hoàn thiện thiết kế ý tưởng, thiết kế chi tiết Nhà máy sản xuất thuốc Viên Non-Betalactam theo tiêu chuẩn EU/PICs-GMP.

Hoàn chỉnh hồ sơ xin phép xây dựng và chuẩn bị khởi công công trình Chi nhánh Bidiphar tại : Nghệ An, Quảng Trị và Đà Nẵng.

v. Về nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm mới

Về nghiên cứu khoa học:

Đánh giá tính khả thi về nghiên cứu bào chế: 45 sản phẩm.

Triển khai nghiên cứu 20 sản phẩm mới; cải tiến nâng cao chất lượng 38 sản phẩm cũ;

Được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành 18 sản phẩm mới; 45 sản phẩm được cấp số đăng ký lại; 51 sản phẩm được gia hạn số đăng ký.

Đạt 02 giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam (Vifotec) được trao bởi Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cho 02 công trình “Nghiên cứu tối ưu hóa công thức và đánh giá tương đương sinh học viên nén Gliclazid 60mg phóng thích kéo dài” (Giải Nhì) và công trình “Xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi thương phẩm hàu và chế biến thực phẩm chức năng từ hàu tại Bình Định” (Giải Khuyến khích).

Về thực hiện Dự án KHCN cấp nhà nước:

Tiếp tục triển khai Dự án khoa học và công nghệ cấp Nhà nước “ Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư ”, và đã hoàn thành một số nội dung quan trọng :

- Hoàn thành 01 đề tài cấp nhà nước về dòng sản phẩm thuốc điều trị ung thư đã nghiệm thu trong năm 2017 và tiếp tục triển khai 06 đề tài thuộc Dự án nghiên cứu cấp nhà nước về dòng sản phẩm thuốc điều trị ung thư.
- 04 sản phẩm được cấp SDK trong năm, nâng tổng số sản phẩm TUT đã được cấp SDK lên được 26 sản phẩm.
- Dự án đã thực hiện trên 300 chuyên đề nghiên cứu khoa học (đạt 70% trên tổng số các chuyên đề nghiên cứu) và đã được Hội đồng khoa học nghiệm thu.
- Đã nghiên cứu thành công trên quy mô thí nghiệm 10 sản phẩm mới dùng điều trị ung thư hiện đang quá trình theo dõi độ ổn định sản phẩm;
- Hoàn thiện 06 sản phẩm thuốc và sản xuất trên quy mô công nghiệp.

vi. Về công tác sắp xếp doanh nghiệp

Đầu năm 2017, đăng ký thành công giao dịch cổ phiếu Bidiphar với mã chứng khoán “DBD” trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM-HNX Hà nội .

Niêm yết cổ phiếu tại HoSE : Công ty đã lập bộ hồ sơ niêm yết và gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tháng 11/2017; Sở đã có Công văn tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết vào ngày 4/12/2017. Hiện hồ sơ đang trong quá trình thẩm định và phê duyệt. Dự kiến hoàn tất niêm yết trong Quý 2/2018.

Thoái vốn nhà nước trong năm 2017 : Cổ đông nhà nước (Quỹ Đầu tư phát triển thuộc UBND tỉnh Bình Định) đã thực hiện thoái vốn nhà nước tại Bidiphar trong quý 3/2017, hiện tại tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước tại Bidiphar giảm từ 33,34% xuống còn nắm giữ 13,34% vốn điều lệ .

Về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Bidiphar : tại kỳ ĐHCĐ năm 2017 đã biểu quyết giữ tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 49% và giao HĐQT tiếp tục làm việc với UBCKNN để xin phép thực hiện. UBCKNN trả lời tại Công văn số 3561/UBCK-PTTT ngày 1/6/2017: Theo qui định hiện hành tỷ lệ sở hữu NĐTNN tại Bidiphar là 0%,

tuy nhiên nếu Bidiphar muốn tăng tỷ lệ sở hữu NĐTNN thì đề nghị công ty lấy ý kiến các Bộ ngành : Y tế, Công thương và Kế hoạch & Đầu tư , UBCKNN sẽ xem xét sau khi có ý kiến từ các cơ quan trên.

vii. Về hoạt động thi đua khen thưởng

Trong năm 2017, toàn thể CBCNV đã lao động tích cực, phát huy tinh thần làm việc, nỗ lực phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua, đưa nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh về đích thắng lợi. Ghi nhận thành tích đóng góp của tập thể và cá nhân trong suốt thời gian qua, Hội đồng Khen thưởng Công ty đã họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong năm 2017, kết quả đạt được như sau:

- 735 CBCNV và 29 tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;
- 151 CBCNV đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở;
- 173 CBCNV được Tổng giám đốc Công ty tặng Giấy khen;

Ghi nhận sự nỗ lực, cố gắng và những thành tích vượt bậc, trong năm qua công ty Bidiphar đã được khen tặng và công nhận những danh hiệu cao quý sau:

Tập thể

- Cờ thi đua của Chính phủ.
- Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế: Đã có thành tích xuất sắc trong việc triển khai, thực hiện đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam”.
- Bằng khen của BCH LĐLĐ tỉnh Bình Định: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sáng tạo giai đoạn 2012-2017.
- 01 tập thể được UBND Tỉnh tặng Bằng khen và 07 tập thể được UBND Tỉnh công nhận Tập thể Lao động xuất sắc.
- Đạt giải thưởng Thương mại Dịch vụ tiêu biểu năm 2016 do Bộ Công thương trao tặng.
- Top 10 Doanh nghiệp sản xuất Dược uy tín tại Việt Nam” (Công ty VietNam Report chứng nhận).
- Giải thưởng Vàng chất lượng quốc gia do Thủ tướng chính phủ trao tặng

Cá nhân

- 01 cá nhân được phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”.
- 02 cá nhân được phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc Ưu tú”.
- 02 cá nhân được BCH LĐLĐ tỉnh tặng bằng khen.
- 11 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành

Danh sách thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014 - 2019

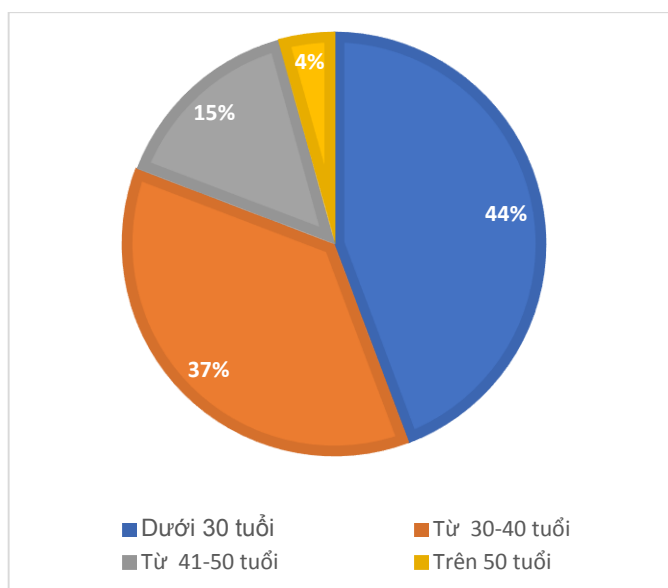
T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát	Chức vụ Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng
Thành viên Hội đồng quản trị (07 thành viên)			
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc
2	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT	Phó Tổng giám đốc
5	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên HĐQT	Kế toán trưởng
6	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	
7	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT độc lập	
Thành viên Ban Kiểm soát (03 thành viên)			
8	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng BKS	
9	Ông Huỳnh Thế Duy	Thành viên BKS	
10	Bà Trinh Phương Mai	Thành viên BKS	

b) Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng nhân sự Bidiphar tính đến ngày 31/12/2017 là 1.172 người. Trong đó, trên đại học: 48 người, đại học: 321 người; trung cấp: 418 người và trình độ khác: 385 người.

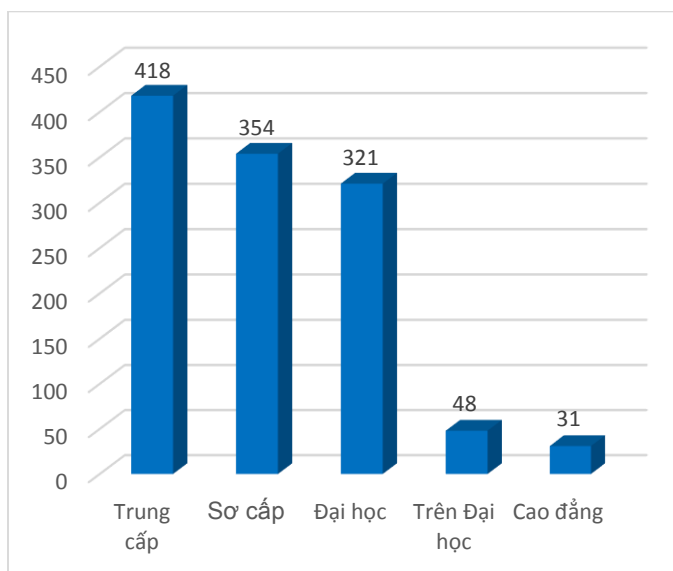
Bảng cơ cấu lao động theo độ tuổi năm 2016

TT	Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ
1	Dưới 30 tuổi	519	44%
2	Từ 30-40 tuổi	428	37%
3	Từ 41-50 tuổi	175	15%
4	Trên 50 tuổi	50	4%
	Tổng	1.172	100%



Bảng cơ cấu lao động theo trình độ năm 2017

TT	Trình độ	Số lượng	Chiếm tỷ lệ
1	Trên Đại học	48	36%
2	Đại học	321	30%
3	Cao đẳng	31	27%
4	Trung cấp	418	4%
5	Sơ cấp	354	3%
	Tổng	1.172	100%



c) Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Chính sách khuyến khích, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao

Thu hút nguồn nhân lực được đào tạo chính quy từ các trường đại học uy tín về công tác tại công ty.

Khuyến khích tạo điều kiện để các cán bộ chuyên môn phát huy cao nhất khả năng.

Hoàn thiện Bộ tài liệu hệ thống vị trí công việc gắn với việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị nhân sự cho toàn hệ thống.

Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2017 Công ty đã thực hiện đào tạo 5.007 lượt người tham gia 76 lớp đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài, với kinh phí hơn 1 tỷ đồng, cụ thể như:

- Phối hợp với Trung tâm đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp dược, mỹ phẩm – Cục Quản lý dược, Viện Kiểm nghiệm thuốc TW, Trường Đại học Dược Hà Nội... đào tạo Thông tư 44/2014/TT-BYT, ISO 17025, Quy chế chuyên môn về Dược, Thiết kế thí nghiệm, tối ưu hóa công thức, quy trình...
- Cử người tham gia đào tạo tại các Trung tâm đào tạo uy tín như VCCI, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, Viện năng suất Việt Nam... đào tạo quy chế chuyên môn về dược, cập nhật hệ thống quản lý chất lượng phiên bản ISO 9001: 2015, Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005, thiết lập hồ sơ nghiên cứu phát triển sản phẩm và chuẩn làm việc trong hồ sơ đăng ký thuốc, tập huấn an toàn vệ sinh lao động. Quản trị mua hàng hiệu quả...

Về chế độ tiền lương, tiền thưởng, chế độ chính sách cho người lao động

Tiền lương, thưởng được trả cho CB-CNV theo quy định pháp luật và quy chế lương, thưởng của Bidiphar, trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc của từng chức danh, theo chuyên môn, tay nghề để đảm bảo nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Chế độ lương, thưởng của Bidiphar đảm bảo mức sống của người lao động, phù hợp với từng lĩnh vực, bán hàng, sản xuất, văn phòng.

Công ty có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có thành tích đóng góp cho Bidiphar: thưởng định kỳ và đột xuất, thưởng cho sáng kiến cải tiến nâng cao hiệu quả công việc.

100% người lao động Bidiphar được tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước.

Tất cả CB-CNV Bidiphar được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

CB-CNV Bidiphar được trang bị đồng phục mỗi năm để đi làm việc.

Ngoài ra để kích lệ tinh thần làm việc của Người lao động, tất cả các ngày lễ lớn, Tết dương lịch, Tết cổ truyền công ty có chính sách thưởng từ 1 đến 2 tháng lương cho người lao động.

Kết hợp với các đoàn thể tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động. Ngoài ra còn thăm hỏi, tặng quà cho người lao động trong các dịp đặc biệt hay ốm đau, hiếu hỉ của người thân.

Bidiphar còn có chương trình chăm lo cho con em CB-CNV: Tết trung thu, Quốc tế thiếu nhi, hỗ trợ đào tạo, khen thưởng con em CB-CNV có thành tích học tập tốt.

Hằng năm công ty dành một khoản kinh phí từ Quỹ phúc lợi để tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch, nghỉ dưỡng kết hợp đào tạo lên tinh thần nhằm tạo sự đoàn kết, gắn bó, vui vẻ trong đội ngũ sau những ngày làm việc mệt nhọc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm Công ty tiếp tục thực hiện các hạng mục đầu lớn với tổng giá trị giải ngân hơn 36 tỷ đồng, tập trung vào các hạng mục chính sau:

- Đầu tư, nâng cấp, khắc phục sửa chữa các phân xưởng, kho sau khi đánh giá GMP với giá trị 13,5 tỷ đồng.
- Tiếp tục đầu tư cho Trung tâm Nghiên cứu và phát triển hơn 5,5 tỷ đồng.
- Đầu tư hạ tầng cơ bản chuẩn bị cho việc xây dựng các nhà máy mới mới tại Khu kinh tế Nhơn Hội với tổng giá trị : 11 tỷ đồng.
- Tiếp tục đầu tư vào hệ thống SAP, hệ thống quản lý bán hàng và phân phối 5,5 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Tất cả các chỉ tiêu đều tăng trưởng tốt so với năm 2016.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	1.434.260	1.544.190	107,6%
2	Doanh thu thuần	1.384.902	1.388.227	100,02%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	175.844	202.930	115,4%
4	Lợi nhuận khác	37	666	
5	Lợi nhuận trước thuế	175.881	203.596	116,0%
6	Lợi nhuận sau thuế	141.492	164.391	116,3%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.789	2.825	101,2%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

T	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,67 1,29	1,68 1,24
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn Hệ số nợ/ tổng tài sản Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	0,46 0,89	0,46 0,88
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Vòng quay hàng tồn kho	4,32	3,45
4	Chỉ tiêu khả năng sinh lời Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,10 0,19 0,11 0,13	0,11 0,20 0,11 0,15

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%VĐL)
1	Trong nước	1.879	52.254.700	99,76%
1.1	Cá nhân	1.859	40.354.490	77,04%

1.2	Tổ chức	20	11.900.210	22,72%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	1	6.984.955	13,34%
2	Nước ngoài	4	124.300	0,24%
2.1	Cá nhân	3	25.200	0.05%
2.2	Tổ chức	1	99.100	0,19%
	Tổng cộng	1.883	52.379.000	100%

b) Cơ cấu cổ đông

TT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	1	6.984.955	13,34%
2	Công đoàn Công ty	1	436.644	0,83%
3	Tổ chức trong nước	18	4.478.611	8,55%
4	Cá nhân trong nước	1.859	40.354.490	77,04%
5	Tổ chức ngoài nước	1	99.100	0,19%
6	Cá nhân ngoài nước	3	25.200	0,05%
	Cộng	1.883	52.379.000	100,00%

(Cơ cấu cổ đông chốt danh sách đến thời điểm 22/03/2018)

Cổ đông lớn (nắm giữ lượng cổ phiếu $\geq 5\%$ vốn điều lệ)

Quỹ đầu tư & phát triển Bình Định (cổ đông Nhà nước) nắm giữ 6.984.955 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 13,34% vốn điều lệ.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, tình hình kinh tế nước ta có nhiều chuyển biến tích cực, vấn đề lạm phát đã được kiểm soát, tỷ giá và lãi suất tương đối ổn định, tạo nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn cho các doanh nghiệp chủ động mở rộng phát triển sản xuất; các chính sách quản lý vĩ mô ngày càng được cải thiện và phù hợp với môi trường kinh doanh, đặc biệt với các doanh nghiệp trong nước,.... Song song với những chuyển biến tích cực về môi trường kinh doanh thì vẫn còn khá nhiều khó khăn thách thức mà các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm trong nước phải đối mặt trong năm 2017, đó là : vấn đề cạnh tranh khốc liệt với sản phẩm nhập khẩu, cạnh tranh với các nhà sản xuất trong nước; chính sách vĩ mô về ngành dược còn thay đổi; việc đầu tư lớn cho việc đổi mới công nghệ dẫn đến chi phí giá thành trong những năm đầu tăng cao;

Tuy nhiên trong năm Ban điều hành công ty cũng đã nỗ lực làm việc, quyết tâm và đã có những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời để phát triển sản xuất kinh doanh,

giữ vững được thị trường, đảm bảo ổn định kinh doanh trong điều kiện khó khăn, gia tăng lợi ích cho các cổ đông đồng thời đảm bảo đời sống người lao động

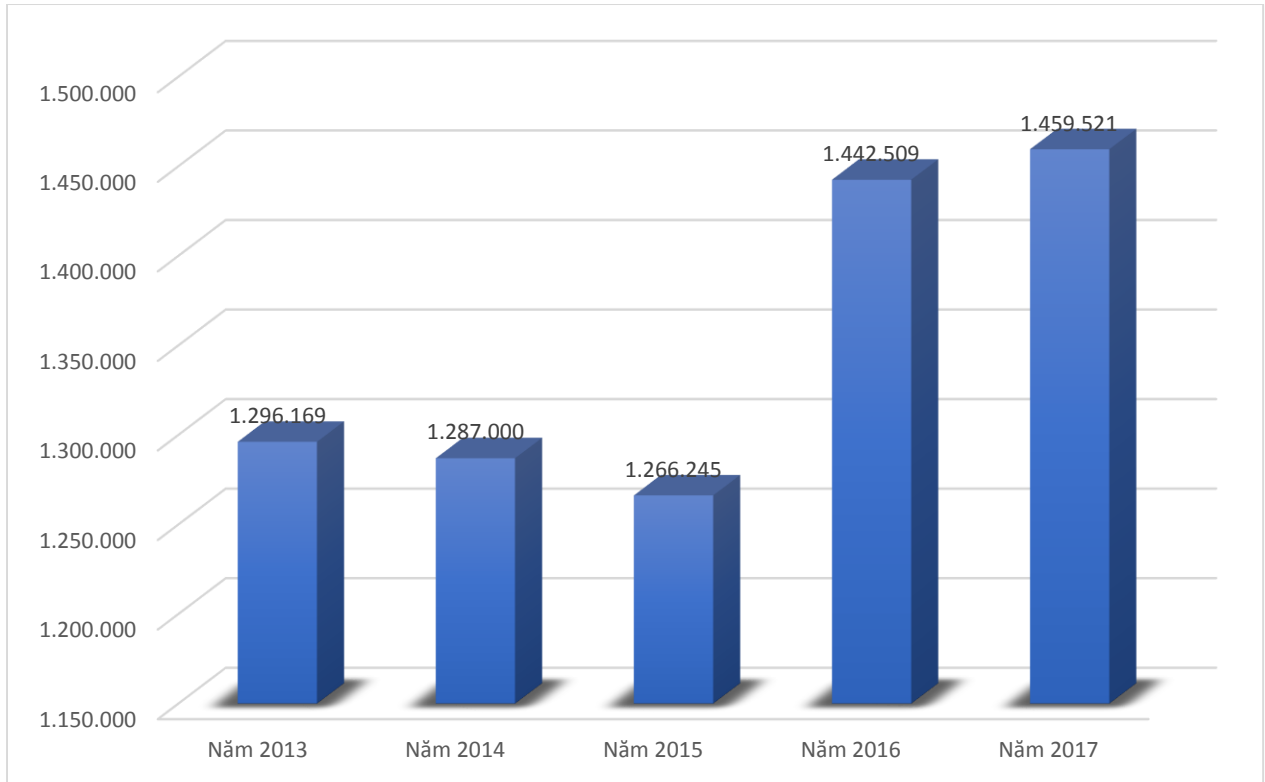
Theo đó các giải pháp điều hành chủ yếu nổi bật trong năm 2017 : đầu tư nghiên cứu khoa học tăng cường năng lực cạnh tranh, phát triển mở rộng thị trường, tiết giảm tối đa chi phí, rà soát xây dựng lại cơ chế kinh doanh bám sát nhu cầu của từng vùng thị trường, tổ chức phân tích thường xuyên tình hình tài chính, công tác quản trị ngày càng nề nếp và cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho việc ra các quyết định quản lý,... Ngoài ra, việc tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý, ban hành lại các định mức kinh tế kỹ thuật đối với từng đơn vị, tăng cường công tác quản lý nợ, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Phân tích, đánh giá các nhân tố thuận lợi khó khăn tác động đến sản xuất kinh doanh công ty, Ban Lãnh đạo công ty đã đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn phù hợp thực trạng công ty và thị trường trong từng thời điểm, cùng với sự nỗ lực cán bộ CNV toàn công ty đã vượt qua những khó khăn thách thức và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm. Mặc dù doanh thu tăng trưởng không đáng kể nhưng việc quản trị chi phí tốt góp phần vào sự tăng trưởng khá ấn tượng hiệu quả kinh doanh trong năm 2017, trong đó đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận tăng 16% so năm trước.

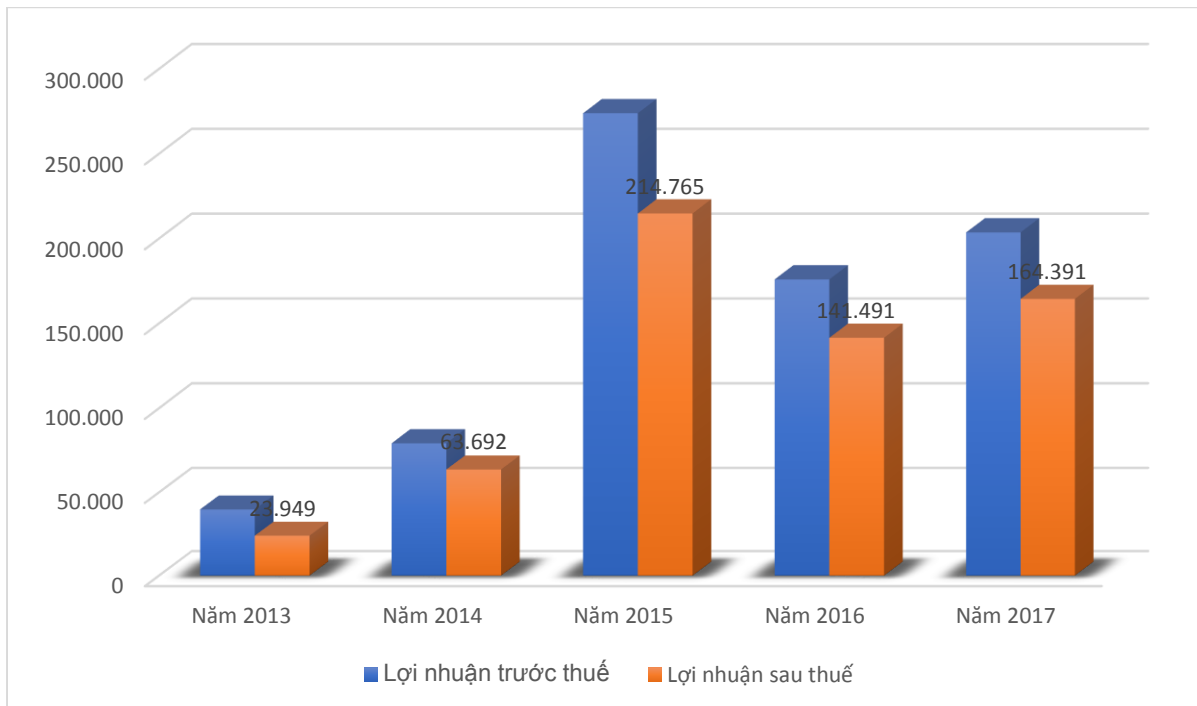
Một số chỉ tiêu so sánh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm :

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu	1.296.169	1.287.000	1.266.245	1.442.509	1.459.521
2	Lợi nhuận trước thuế	39.701	79.269	273.855	175.881	203.596
3	Lợi nhuận sau thuế	23.949	63.692	214.765	141.491	164.391



Biểu đồ tăng trưởng doanh thu giai đoạn 2013 – 2017



Biểu đồ tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2013 – 2017

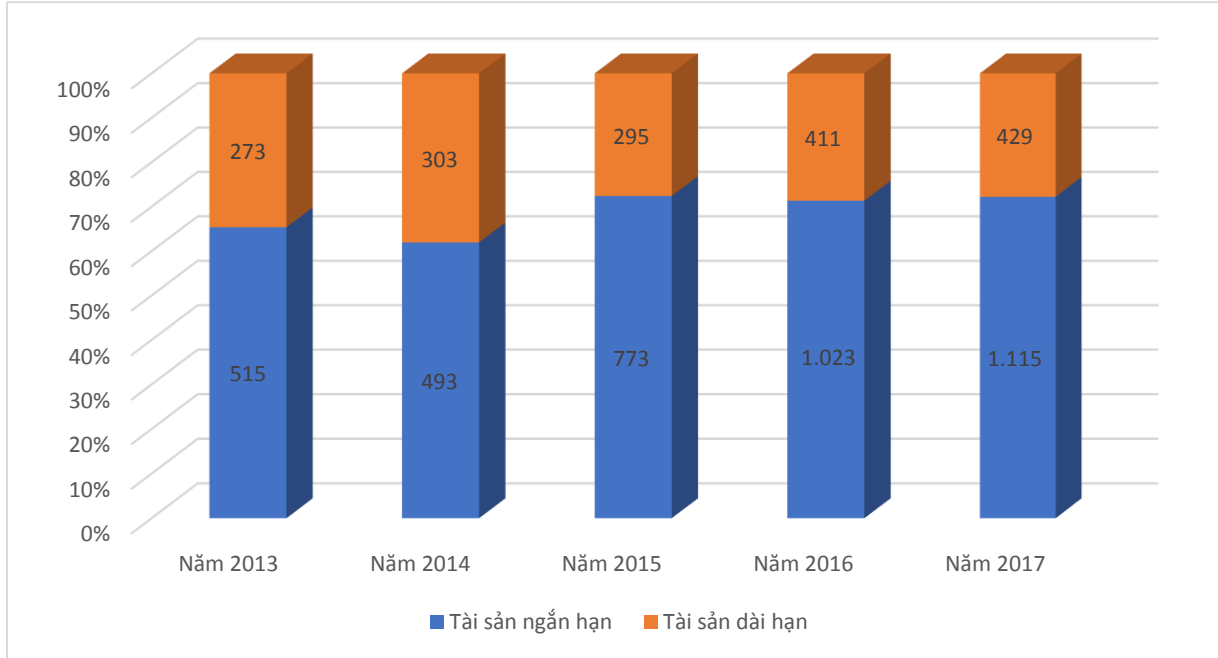
2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm tăng 8% so với năm 2016 (tương đương 109 tỷ đồng).

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng
	Cơ cấu tài sản	788		796		1.068		1.434		1.544	
1	Tài sản ngắn hạn	515	65%	493	62%	773	72%	1.023	71%	1.115	72%
2	Tài sản dài hạn	273	35%	303	38%	295	28%	411	29%	429	28%



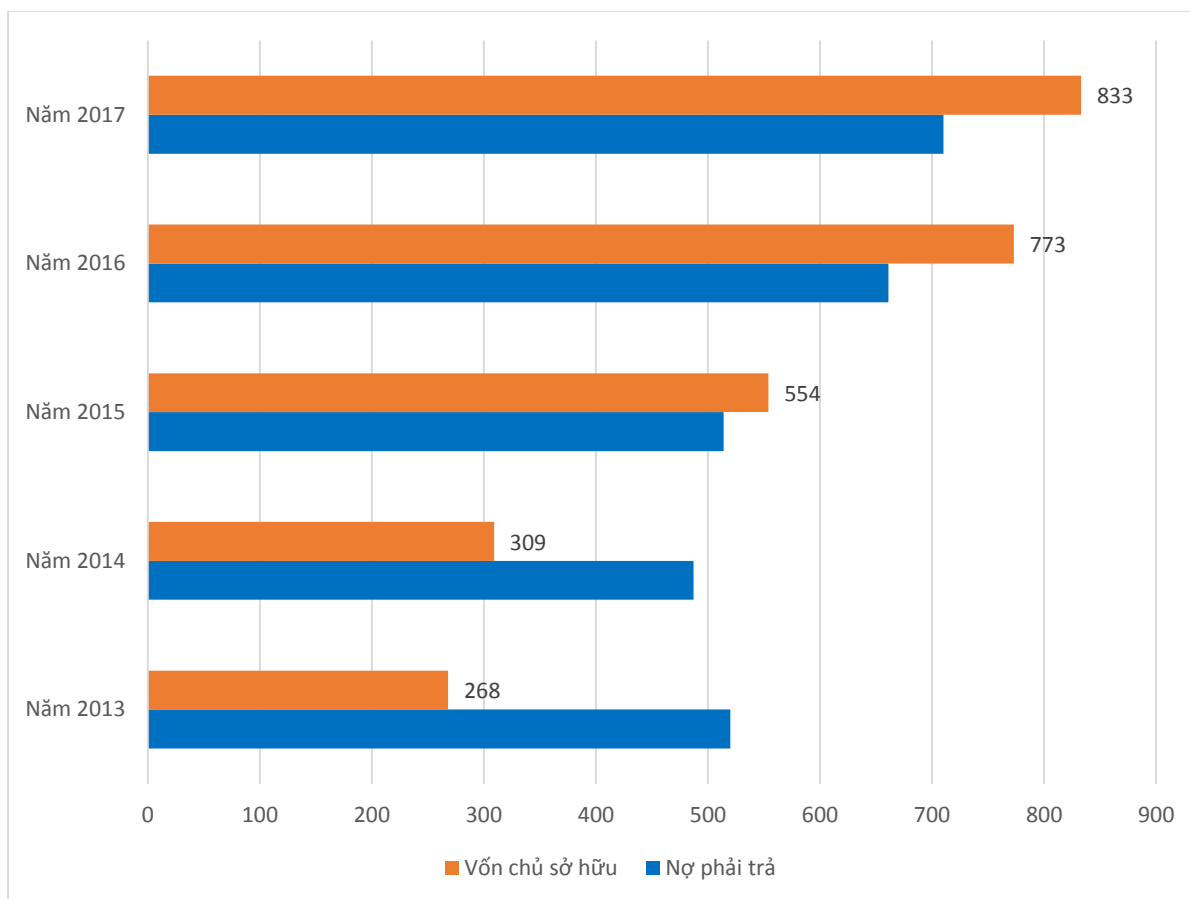
Biểu đồ biến động tình hình tài sản giai đoạn 2013 – 2017

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả chiếm 46% và vốn chủ sở hữu chiếm 54% tổng nguồn vốn của Công ty.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng
	Cơ cấu nguồn vốn	788		796		1.068		1.434		1.544	
1	Nợ phải trả	520	66%	487	61%	514	48%	661	46%	711	46%
2	Vốn chủ sở hữu	268	34%	309	39%	554	52%	773	54%	833	54%



Biểu đồ cơ cấu nguồn vốn chủ sở hữu giai đoạn 2013 - 2017

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Cơ cấu tổ chức

Thành lập mới 02 Chi nhánh Bidiphar ngoài tỉnh tại: Kiên Giang và Tiền Giang.

b) Chính sách và quản lý

Hệ thống bán hàng

Tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống phân phối, đầu tư xây dựng Nhà làm việc cho các Chi nhánh: Nghệ An, Quảng Trị, Đà Nẵng.

Nâng cao hiệu quả, độ chính xác trong công tác lập kế hoạch bán hàng; nâng cao khả năng quản trị tổng thể các các cán bộ quản lý.

Bám sát tình hình thị trường cũng như các quy định của nhà nước trong công tác đấu thầu, cung ứng vào các cơ sở điều trị và phân phối trên thị trường OTC để có các giải pháp phù hợp nhằm giữ vững thị trường hiện có và tiếp tục phát triển thị trường mới.

Tim kiếm thị trường xuất khẩu chuẩn bị đầu ra cho các nhà máy mới khi đi vào hoạt động.

Hệ thống quản lý chất lượng

Năm 2017 Bidiphar tiếp tục duy trì thành công việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

Duy trì hệ thống chất lượng theo chuẩn GMP- WHO.

Triển khai các hoạt động quản lý chất lượng trên SAP-ERP.

Hệ thống quản trị chiến lược

Đánh giá và tối ưu hóa danh mục sản phẩm hiện có.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển, tạo nhóm danh mục sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh cao.

Tiếp tục phân tích, đánh giá mở rộng hệ thống phân phối trong nước và thị trường xuất khẩu.

Xây dựng một chính sách phát triển bền vững xuyên suốt trong toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a) Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2018-2019

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018		Năm 2019	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng (giảm)/ TH 2017	Kế hoạch	% tăng (giảm)/ KH 2018
DTT (triệu đồng)	1.388.227	1.584.107	14,11%	1.821.700	15%
+ Dược phẩm	1.248.175	1.433.305	14,83%	1.648.300	15%
+ Thiết bị, vật tư y tế	121.231	137.908	13,76%	158.590	15%
+ Nguyên vật liệu, bao bì	16.884	10.586	-37,30%	12.170	15%
+ Khác	1.937	2.307	19,10%	2.640	15%
Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	490.672	582.443	18,70%	669.800	15%
LNST (triệu đồng)	157.414	168.844	7,0%	193.200	15%
Vốn điều lệ (triệu đồng)	523.790	523.790	-	523.790	-
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	833.010	884.222	6,15%	972.644	10%
Tỷ lệ LNST/DTT	11,84%	10,20%	-1,64%	10,20%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH bình quân	20,87%	18,30%	-2,57%	20%	1,70%
Cổ tức	15%	15%	-	15%	-

b) Kế hoạch tăng trưởng sản phẩm

TT	Nhóm Sản phẩm	% tăng trưởng so với năm 2017
1	Nhóm thuốc gói Bột Betalactam	185%
2	Nhóm thuốc gói Bột vi sinh	132%
3	Nhóm thuốc điều trị ung thư	125%
4	Nhóm Dịch thận	119%
5	Nhóm thuốc tiêm bột Đông khô	115%
6	Nhóm thuốc kem, mỡ	112%
7	Nhóm thuốc tiêm bột	110%
8	Nhóm thuốc viên Non-Beta	109%
9	Nhóm thuốc các loại lọ dùng ngoài	108%
10	Nhóm thuốc gói Bột Non-Beta	106%
11	Nhóm thuốc nhỏ mắt	106%
12	Nhóm thuốc viên Betalactam	101%

c) Kế hoạch đầu tư phát triển

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2018
1	Dự án đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bidiphar Công nghệ cao. Trong đó : <i>Hạng mục : Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư theo tiêu chuẩn EU/PICs - GMP</i>	530 195	116 116
2	Tiếp tục đầu tư bổ sung, nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng cho các phân xưởng và phòng ban	26	26
3	Tiếp tục đầu tư trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D)	06	06
4	Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối (Đầu tư văn phòng các Chi nhánh ngoài tỉnh: Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Trị, Đà Nẵng)	16	10
5	Tiếp tục đầu tư hệ thống SAP giai đoạn 2 & Hệ thống bảo mật hạ tầng CNTT, Giải pháp quản lý hệ thống phân phối DMS.	10	10
	Tổng cộng	588	168

5. Báo cáo quản trị rủi ro

Bidiphar hoạt động sản xuất kinh doanh phạm vi nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và địa bàn hoạt động rộng cả trong và ngoài nước, nguồn nguyên liệu chưa chủ động phần lớn đều nhập khẩu từ nước ngoài,... do đó sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ gắn liền với đặc điểm, điều kiện kinh tế, chính trị từng ngành, lĩnh vực hoạt động hay từng vùng lãnh thổ. Nguyên tắc quản trị rủi ro phải được xác định ngay từ đầu để có chính sách quản trị hiệu quả, nhằm giảm thiểu những thiệt hại. Có thể định hình các rủi ro có khả năng xảy ra:

a) Rủi ro về kinh tế

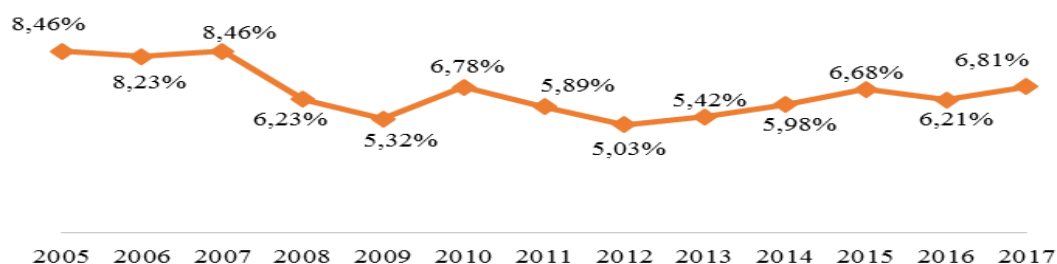
Bidiphar là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm và vật tư y tế trong lãnh thổ Việt Nam. Vì thế, hoạt động kinh doanh của Bidiphar đang và sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi tiềm năng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nói chung và của thị trường dược phẩm Việt Nam nói riêng. Việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất,... sẽ làm rõ mức độ tác động của các rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục các ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

❖ Tăng trưởng kinh tế

Việt Nam là một trong những nước có nền kinh tế phát triển năng động trong khu vực Châu Á với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam giai đoạn 2005 – 2017 là khoảng 6,58%. Năm 2017 tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, căn cứ số liệu công bố của Tổng cục thống kê. Đặc biệt, nền kinh tế Việt Nam trong hai quý cuối năm 2017 đều ghi nhận mức tăng trưởng trên 7%. Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 5 bậc, lên thứ 55/137; Ngân hàng Thế giới xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc, lên thứ 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Như vậy, có thể thấy, Việt Nam vẫn là một điểm sáng trong khu vực với nền kinh tế được kỳ vọng sẽ tiếp tục đà tăng trưởng trong giai đoạn tới. Đây là yếu tố thuận lợi tạo lợi thế tăng trưởng cho ngành nói chung và Công ty nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

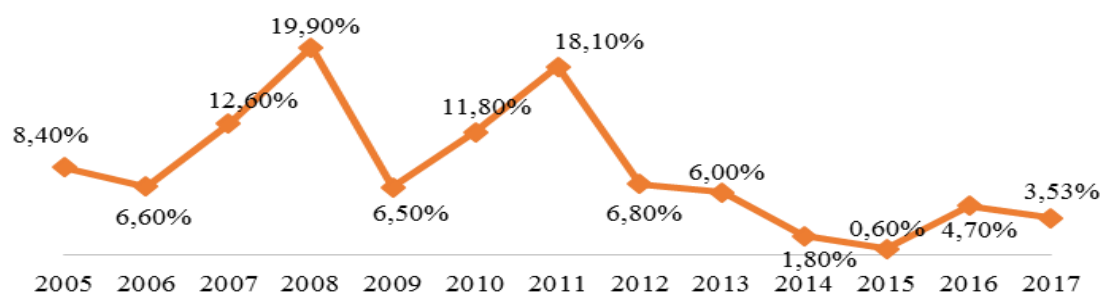
Dự báo triển vọng kinh tế năm 2018, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia cho rằng, với những nền tảng tích cực của năm 2017, triển vọng kinh tế năm 2018 sẽ tiếp tục khả quan. Ở trong nước, tổng cung của nền kinh tế dự báo sẽ cải thiện nhờ hưởng lợi từ các chính sách cải thiện bên cung theo tinh thần Nghị quyết 19, Nghị quyết 35 của Chính Phủ. Tuy nhiên, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia cũng lưu ý những khó khăn của năm 2018, trong đó có việc thương mại toàn cầu nói chung và xuất khẩu của Việt Nam nói riêng sẽ chịu tác động bởi sự thay đổi chính sách thương mại của Mỹ. Trong nước, các vấn đề nội tại của nền kinh tế như trình độ công nghệ thấp, đất đai, tài nguyên đang dần cạn kiệt trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá.

Khi tăng trưởng GDP được duy trì ở mức khá giúp gia tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế xã hội của người dân, từ đó dẫn đến sự tăng cao trong nhu cầu về các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe khi chất lượng cuộc sống được nâng cao. Điều này làm tăng doanh thu và lợi nhuận của ngành. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái, đời sống và thu nhập của dân cư giảm thì nhu cầu về dược phẩm cũng sẽ giảm, kéo theo sự sụt giảm doanh thu và lợi nhuận của ngành dược nói chung và Bidiphar nói riêng. Tuy nhiên, do dược phẩm thuộc nhóm sản phẩm thiết yếu của người dân nên mức giảm của ngành sẽ thấp hơn mức giảm của nền kinh tế. Theo dự phóng của IMS Health, trong giai đoạn 2013 – 2018, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân chung của các doanh nghiệp dược phẩm tại các nước mới nổi ở mức 11 – 14%, trong đó Việt Nam sẽ có mức tăng cao thứ 2 trong nhóm vào khoảng 17,5%.

❖ **Lạm phát**

Lạm phát là yếu tố tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam và cũng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp lẫn gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Từ mức lạm phát hai con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó lạm phát giảm xuống mức 6,8% (năm 2012) và còn 3,53% (năm 2017). Lạm phát thấp là cơ sở để NHNN giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng, đáp ứng nhu cầu trong hầu hết mọi lĩnh vực và kích thích tiêu dùng. Mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì khá ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng nhanh trở lại.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong năm 2018, Chính phủ tiếp tục đặt mục tiêu chỉ số lạm phát (CPI) bình quân 4% nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia cho rằng lạm phát sẽ chịu áp lực chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công và giá thực phẩm. Giá dịch vụ công năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình tăng giá giai đoạn 2016 – 2020 nên được dự báo đóng góp vào lạm phát tổng thể, tương đương năm 2017, khoảng 2 – 2,5 điểm. Trong khi đó, giá thực phẩm 2017 giảm chủ yếu vì sự sụt giảm của giá thịt lợn do dư cung. Do vậy, nhiều khả năng năm 2018 giá thực phẩm sẽ phục hồi khi nguồn cung thịt lợn giảm do ngành chăn nuôi có những điều chỉnh tác động không nhỏ đến lạm phát năm 2018.

Theo dự báo của World Bank, lạm phát trung bình cả năm 2018 của Việt Nam có thể vào khoảng 4% và trong 2 năm tiếp theo vẫn giữ nguyên tốc độ này.

❖ **Lãi suất**

Trong vòng 02 năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện một loạt động thái điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành và lãi suất tiền gửi tối đa bám sát các chỉ tiêu định hướng của Chính phủ. Với chính sách ổn định lãi suất và duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp trong suốt năm 2017 đã tiếp tục hỗ trợ sản xuất – kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát được lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Trong năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay ổn định, cho dù một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động với mức độ tăng nhỏ. Lãi suất huy động bằng đồng VNĐ phổ biến ở mức 4,5%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng; 5,4%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; và mức 6,4%-7,2%/năm cho kỳ hạn trên 12 tháng. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hầu hết các tổ chức tín dụng đánh giá mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2018, trong đó, một số ít tổ chức tín dụng dự báo mặt bằng lãi suất có thể tăng nhưng là mức tăng rất nhẹ (bình quân khoảng 0,2%) trong năm tới.

Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Với mặt bằng lãi suất như hiện tại là điều kiện thuận lợi để các Công ty hoạt động tốt như Bidiphar tiếp cận với nguồn vốn vay với lãi suất hợp lý để giải ngân cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai một cách hiệu quả.

b) Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngành dược là một trong những ngành chịu sự quản lý mạnh mẽ của Nhà nước do là ngành nghề kinh doanh các sản phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Luật Dược mới số 105/2016/QH13 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Đây là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực dược để ngành Dược Việt Nam được hoạt động trong một môi trường pháp lý hoàn chỉnh và đồng bộ,... Ngoài ra, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại và Luật sở hữu trí tuệ đã được Quốc hội thông qua, được kỳ vọng sẽ tạo môi trường đầu tư kinh doanh một cách cạnh tranh, minh bạch, bình đẳng và lành mạnh cho các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm, từ đó giảm thiểu những rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thêm vào đó, những định hướng, chính sách của Nhà nước cũng sẽ có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Công ty trong tương lai. Cho đến nay, chính sách quốc gia về phát triển ngành công nghiệp dược trong nước luôn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành nói chung và của Bidiphar nói riêng.

Ngoài ra, với bối cảnh toàn cầu hóa như hiện tại, đòi hỏi các doanh nghiệp ngành Dược phải hiểu biết sâu sắc về luật pháp và thông lệ quốc tế. Đối với vấn đề này, Công ty đã và đang tích cực trang bị cho mình những thông tin cần thiết về thị trường, đối thủ và đối tác, nghiên cứu luật pháp quốc tế để thực sự sẵn sàng cùng ngành Dược hội nhập.

Vì vậy, xét toàn cảnh môi trường pháp lý và tình hình thực tế của Công ty, rủi ro pháp luật ít có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

c) Rủi ro đặc thù ngành

❖ Rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào

Sự phụ thuộc vào nguyên liệu đầu vào luôn là một thách thức đối với doanh nghiệp. Nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành các loại sản phẩm của Công ty (khoảng 40% - 60%), chính vì vậy sự thay đổi giá của nguyên vật liệu tất yếu ảnh hưởng đến lợi nhuận do giá bán không thể điều chỉnh kịp thời trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm cho tất cả các ngành hàng, khi đó Công ty có thể gia tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, để góp phần hạn chế rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào, Công ty đã thiết lập và duy trì mối quan hệ uy tín đối với các nhà cung cấp lớn trên thị trường để đảm bảo có thể chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cả ổn định. Bên cạnh đó, Công ty luôn tăng cường công tác dự báo thị trường để chủ động và có kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, giảm thiểu tác động trong những giai đoạn giá cả thị trường biến động mạnh.

❖ **Rủi ro hàng giả, hàng nhái**

Hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu xuất hiện ngày càng nhiều trên thị trường. Riêng trong ngành Dược phẩm, theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ, mỗi năm có hơn 3.000 trường hợp vi phạm nhãn hiệu hàng hóa và cạnh tranh không lành mạnh. Do đó, bên cạnh những nỗ lực của Công ty trong việc chống hàng giả, hàng nhái, sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng là hết sức rất cần thiết nhằm hạn chế và loại bỏ hàng giả, hàng nhái nhằm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương cần phải tăng cường các biện pháp nhằm sớm loại bỏ hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu ra khỏi thị trường thì hoạt động sản xuất kinh doanh ngành dược phẩm mới thuận lợi và lành mạnh.

Để có thể giảm rủi ro về các loại sản phẩm hàng giả, hàng nhái mang thương hiệu của Bidiphar, Công ty đã thực hiện đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu sản phẩm vào sổ danh bạ nhãn hiệu hàng hóa quốc gia và có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời, để người tiêu dùng có thể nhận diện được thương hiệu và sản phẩm do Công ty sản xuất, Bidiphar luôn có những hoạt động quảng bá thương hiệu như tham gia các chương trình Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng Cao, tổ chức các hoạt động quảng cáo, truyền thông cho công tác phát triển thương hiệu.

❖ **Rủi ro về tỷ giá**

Nguồn nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm của Bidiphar chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, giá cả nguyên vật liệu có thể bị tác động bởi những biến động về tỷ giá. Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành dự báo biến động giá cả của nguyên vật liệu, từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ nguyên vật liệu vào thời điểm thích hợp. Mặt khác, hầu hết máy móc thiết bị của Công ty đều mua từ nước ngoài, do đó các dự án đầu tư mới cũng phải gánh chịu rủi ro từ những thay đổi trong tỷ giá hối đoái.

Trong những năm gần đây do chính sách ổn định tiền tệ của Nhà nước nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh tương đối ổn định, mức dao động tỷ giá khá thấp, việc dự báo tỷ giá trong ngắn hạn cũng không quá khó khăn. Vì vậy hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều do biến động tỷ giá.

❖ **Rủi ro về cạnh tranh**

Sự gia nhập ngành của các doanh nghiệp dược mới làm gia tăng sức ép cạnh tranh giữa các công ty trên thị trường nội địa. Ngoài ra, việc Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan đang thu hút sự tham gia các công ty hoạt động trong lĩnh vực dược từ nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại. Từ đó, tạo ra môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn đối với các doanh nghiệp sản xuất dược trong nước về mặt giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm. Việc tăng tốc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm là hết sức cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp dược nói chung và Bidiphar nói riêng.

❖ **Rủi ro trong hoạt động đầu tư**

Bidiphar xác định hoạt động đầu tư là tiền đề của sự đổi mới, do đó công tác đầu tư được đánh giá ở vị trí ưu tiên trong định hướng chiến lược hay trong mỗi kế hoạch ngắn hạn của công ty. Rủi ro về đầu tư thiếu hiệu quả sẽ dẫn đến thất thoát về vốn và giảm hiệu quả kinh doanh. Do đó ngay từ khi phát sinh các dự án đầu tư đều được đánh giá một cách kỹ lưỡng từ đề xuất đầu tư cho đến khi mở xẻ phân tích toàn diện các dự án tiềm khả thi, dự án khả thi và thông qua Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định cuối cùng.

d) Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất thường, khả năng xảy ra rất ít nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động lớn và nghiêm trọng như động đất, lụt bão, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo, ... Những hiện tượng này nếu xảy ra có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Bidiphar.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2017, HĐQT đã tập trung thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 đã biểu quyết thông qua. Trong đó ưu tiên cao nhất việc triển khai thực hiện các định hướng chiến lược trong năm 2017 và giai đoạn 2016-2020, đồng thời cùng Ban điều hành công ty thực hiện đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác

điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD.

Các nội dung cụ thể về hoạt động của HĐQT bao gồm:

➤ **Các nội dung cụ thể đã thực hiện trong năm 2017**

Thực hiện hoàn thành KHSX kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017 đã biểu quyết thông qua :

- Hoàn thành về cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận tăng trưởng vượt mức KH 7%.
- Tỷ lệ cổ tức đã tạm ứng cho cổ đông là 15% trong tháng 4/2018.
- Về kế hoạch triển khai Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư tại Khu kinh tế Nhơn Hội : hoàn tất các khâu chuẩn bị về hạ tầng cơ bản, thiết kế chi tiết và đã đưa ra đấu thầu xây dựng trong tháng 03/2018, dự kiến khởi công trong tháng 5/2018.
- Hoàn thành bộ hồ sơ niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 11 năm 2017; đang đợi thẩm định và phê duyệt.
- Phát triển hệ thống phân phối : trong năm thành lập mới 02 Chi nhánh Bidiphar ngoài tỉnh tại : Kiên Giang và Tiền Giang.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2017, tình hình kinh tế nước ta có nhiều chuyển biến tích cực, vấn đề lạm phát đã được kiểm soát, tỷ giá và lãi suất tương đối ổn định, tạo nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn cho các doanh nghiệp chủ động mở rộng phát triển sản xuất; các chính sách quản lý vĩ mô ngày càng được cải thiện và phù hợp với môi trường kinh doanh, đặc biệt với các doanh nghiệp trong nước,... Trước tình hình trên, Ban Lãnh đạo Công ty đã thể hiện quyết tâm cao độ, nỗ lực làm việc và đã có những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời để phát triển sản xuất, giữ vững thị trường. Kết quả kinh doanh về cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên giao; gia tăng lợi ích cho các cổ đông đồng thời đảm bảo đời sống người lao động. Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2017 của Ban Tổng giám đốc.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tương đối tốt vai trò nhiệm vụ được phân công, triệt để đề cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên và đồng thời cũng thể hiện tính minh bạch, thống nhất trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chung của toàn Công ty.

3. Các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị

a) Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018, việc ký kết Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) của Việt Nam tạo nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước có thể thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài; có lợi thế hơn trong việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào với mức giá cạnh tranh; tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc xuất khẩu các sản phẩm được ra các nước thành viên. Với định hướng mở rộng quy mô sản xuất, nâng cấp tiêu chuẩn nhà máy, cải tiến kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm - dịch vụ của Bidiphar thì việc gia nhập CPTPP mang lại nhiều cơ hội cho Công ty trong việc liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài trong việc nhượng quyền kỹ thuật và thương hiệu một số sản phẩm đã thành công trong nước. Tuy nhiên, sự tham gia của Việt Nam vào CPTPP cũng tạo ra không ít thách thức cho Bidiphar trong việc cạnh tranh với các đối thủ sản xuất dược lớn nước ngoài khi các chính sách bảo hộ các doanh nghiệp dược sản xuất trong nước phải gỡ bỏ.

Việc đầu tư mở rộng đồng bộ sẽ là định hướng đúng đắn và cần thiết trong tương lai, nhất là việc phát triển các nhóm hàng chủ lực mang lại hiệu quả cao, tuy nhiên trong những năm đầu chi phí vốn tăng cao hơn, áp lực tài chính cũng gia tăng.

Năm 2018 sẽ tiếp tục câu chuyện cạnh tranh về giá giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước, doanh nghiệp FDI và hàng nhập khẩu sẽ ngày càng khốc liệt hơn, các doanh nghiệp cần tạo ra sự khác biệt từ việc sáng tạo ra các sản phẩm chất lượng, từ việc quản trị và sử dụng các nguồn lực doanh nghiệp một cách hiệu quả nhất, ... Bidiphar cũng phải tìm giải pháp tối ưu nhất để phát triển.

b) Định hướng chiến lược năm 2018 :

Từ việc nghiên cứu khả năng, nội lực và phân tích thị trường, các yếu tố liên quan, HĐQT đề xuất các định hướng chiến lược năm 2018 như sau:

- Về thực hiện phát triển yếu tố then chốt : Gần 40 năm khởi nghiệp Bidiphar luôn lấy việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ làm yếu tố then chốt cho sự phát triển, và định hướng này sẽ còn nguyên giá trị cho cả giai đoạn dài hạn phía trước. Năm 2018 Bidiphar tiếp tục xây dựng đồng bộ các chính sách khuyến khích khả năng sáng tạo, phát huy sáng kiến trên mọi lĩnh vực nhằm tạo ra sự tăng trưởng bền vững về giá trị. Tập trung xây dựng Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) thành đơn vị chủ lực trong việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; tăng cường liên kết hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước thực hiện ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới trong sản xuất dược phẩm.

- Về hệ thống bán hàng : Tập trung phát triển hệ thống phân phối hiện đại, linh hoạt và hiệu quả, nâng cao khả năng chiếm lĩnh thị phần nhằm đảm bảo năng lực cạnh tranh khi hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay;
- Về đầu tư phát triển : Xác định các nội dung đầu tư rõ ràng, tính toán hiệu quả và xây dựng tính khả thi một cách linh hoạt, nhằm tận dụng tối đa cơ hội thành công và giảm thiểu khả năng thất thoát vốn. Bao gồm đầu tư nâng cấp tối ưu hóa dây chuyền, đầu tư mới nhằm phát triển sản phẩm mới hoặc phát triển theo tiêu chuẩn chất lượng mới phù hợp thông lệ quốc tế hay đầu tư chuyên sâu cho các dự án phát triển về quản trị công ty, dự án phát triển nguồn nhân lực,... Xem xét đánh giá thường xuyên các Dự án đã và đang đầu tư nhằm đảm bảo tính chủ động và kịp thời tính hiệu trong việc sử dụng vốn đầu tư.
- Tiếp tục phát triển Dự án nuôi trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP nhằm thực hiện định hướng phát triển nguồn nguyên liệu xanh, đảm bảo nguồn gốc chất lượng và chủ động nguồn nguyên liệu cho sản xuất.
- Về Hệ thống chất lượng : Tiếp tục cải tiến hệ thống chất lượng theo hướng : Cải tiến các quy trình thủ tục đơn giản, thiết thực; Cập nhật thường xuyên các quy định mới của GPs, ISO 9001-2015; Luôn duy trì việc kiểm tra, khắc phục và điều chỉnh kịp thời các quy định về yêu cầu GMP trong hệ thống sản xuất, chuẩn bị tiến tới áp dụng theo tiêu chuẩn chất lượng GMP-EU trong giai đoạn tới.
- Về chiến lược phát triển nhân sự : Chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực trình độ cao thông qua các chính sách thu hút, đãi ngộ phù hợp, xây dựng chính sách trả lương, thưởng theo hiệu quả kịp thời và tạo động lực mạnh mẽ cho người lao động ; Tiếp tục xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp thông qua các giải pháp cụ thể : Xây dựng các chính sách đảm bảo kích thích sự khát khao đam mê cống hiến, hợp tác, phối hợp, cạnh tranh và cùng nhau phát triển đồng bộ trong toàn bộ hệ thống, đồng thời luôn duy trì môi trường làm việc thân thiện, cạnh tranh và đoàn kết vì một BIDIPHAR vững mạnh; Thường xuyên thực hiện các chương trình đào tạo về chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát triển khách hàng mới cho đội ngũ nhân viên bán hàng.
- Về hệ thống quản trị : Tiếp tục hoàn thiện công tác Quản trị doanh nghiệp thông qua việc đẩy mạnh khai thác ứng dụng giải pháp SAP-ERP đã được hoàn thành giai đoạn 1, các phần lõi cơ bản. Hoàn thành triển khai các nội dung ứng dụng SAP ERP giai đoạn 2 bao gồm các giải pháp về lập kế hoạch chi tiết, giải pháp quản lý hệ thống nghiên cứu phát triển và giải pháp quản lý nhân sự tiền lương; Hiện đại hóa quản lý bán hàng thông qua Ứng dụng Phần mềm quản lý hệ thống bán hàng DMS Pro.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

1. Ông NGUYỄN VĂN QUÁ	
Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Bidiphar	
Năm sinh: 1961	
Trình độ: Kỹ sư kinh tế công nghiệp	
Quá trình công tác	
05/1983 - 08/1986	Nhân viên phòng kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
09/1986 - 12/1987	Phó trưởng phòng kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình.
01/1988 – 12/1989	Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
01/1990 – 05/1995	Phó giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định
6/1995 – 11/2006	Phó giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
12/2006 – 2008	Phó Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
1/2009 – 2010	Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
2010 – 02/2014	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
03/2014 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 471.095 cp	

2. Bà PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Bidiphar	
Năm sinh: 1965	
Trình độ: Thạc sỹ Dược	
Quá trình công tác	
1989 – 2001	Công tác tại xí nghiệp Dược Bình Định sau đổi tên thành Công ty Dược Bình Định. Giữ các chức vụ: Quản đốc phân xưởng - Trưởng phòng kiểm nghiệm – Trưởng phòng đảm bảo chất lượng - Phó giám đốc
2001 - 2007	Phó giám đốc Sở y tế Bình Định
2007 - 2009	Phó Giám đốc Sở Nội vụ Bình Định
2009 - 02/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
03/2014 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 339.353 cp	
3. Ông NGUYỄN THANH GIANG	
Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Bidiphar	

Năm sinh: 1967	
Trình độ: Cử nhân Tài chính – kế toán	
Quá trình công tác	
10/1990 - 5/1995	Kế toán viên – Xí nghiệp dược phẩm Bình Định
6/1995 - 12/1996	Phó phòng Tài vụ Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
1/1997 - 1/2000	Phó Kế toán trưởng Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
1/2000 - 3/2009	Kế toán trưởng Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
4/2009 - 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
3/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 390.564 cp	

4. Ông HUỖNH NGỌC OANH	
Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Bidiphar	
Năm sinh: 1963	
Trình độ: Dược sĩ Đại học	
Quá trình công tác	
4/1988 - 12/1991	Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty Dược Tuy Phước Bình Định
1/1992 - 1996	Công tác tại trạm đại diện Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
1/1997 - 9/2010	Giám đốc Chi nhánh Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
10/2010 - 9/2011	Giám đốc khu vực phía Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
10/2011 - 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
3/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 439.908 cp	

5. Bà NGUYỄN THỊ MAI HOA	
Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Bidiphar	
Năm sinh: 1965	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
8/1987 - 12/1989	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Liên hiệp Dược Nghĩa Bình
1/1990 - 5/1995	Nhân viên kế toán Công ty Dược - Vật tư y tế Bình Định
6/1990 - 9/2006	Nhân viên kế toán Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
10/2006 - 4/2008	Phó phòng kế toán Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
5/2008 - 8/2009	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1

9/2009 - 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Kế toán trưởng Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
3/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 291.076 cp	

6. Bà NGUYỄN THỊ MAI ANH	
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập - Đại diện phần vốn Nhà nước	
Năm sinh: 1973	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
3/1997-10/1999	Công tác tại Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Bình Định
10/1999-8/2010	Chuyên viên Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
9/2010 – 2/2014	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
2/2014 -11/2015	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định, thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Dược-TTB Y tế Bình Định
12/2015 đến nay	Trưởng Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định, thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Dược-TTB Y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 10.000 cp	

7. Ông NGUYỄN VĂN THỊNH	
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	
Năm sinh: 1963	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
2/1987 – 9/2000	Kế toán trưởng tại Công ty Dược An Nhơn, Bình Định
9/2000 – 4/2005	Kế toán trưởng Xí nghiệp nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
5/2005 - 6/2007	Giám đốc Xí nghiệp Nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
7/2007 – 11/2009	Giám đốc Công ty TNHH Nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
11/2009 đến nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty CP Nước khoáng Quy Nhơn
7/2007 – 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
2/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 106.546 cp	

i) Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

1. Bà NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	
Trưởng Ban kiểm soát	
Năm sinh: 1971	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
1991 – 1992	Công nhân xưởng thuốc tiêm Công ty Dược-TTBYT Bình Định
1993	Học Dược tá bán thuốc tại Sở y tế Bình Định
1994 – 2000	Học Đại học kế toán
2000 – 2008	Nhân viên bán hàng thuộc phòng Kinh doanh Công ty Dược-TTBYT Bình Định
2009 – 04/2015	Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định
04/2015 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát, Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 95.460 cp	

2. Ông HUỖNH THẾ DUY	
Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh: 1985	
Trình độ: Thạc sỹ Tài chính	
Quá trình công tác	
06/2008 – 12/2014	Nhân viên phòng kế toán Công ty CP dược phẩm Bidiphar 1
01/2015 – 04/2015	Nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
04/2015 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 30.995 cp	

3. Bà TRẦN PHƯƠNG MAI	
Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh: 1989	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
4/2012 – 2/2014	Chuyên viên phòng Thẩm định đầu tư – Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định
2/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định kiêm Chuyên viên phòng Thẩm định đầu tư – Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 6.000 cp	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty được thành lập có 07 thành viên, trong đó cơ cấu thành viên HĐQT độc lập có 02 thành viên, theo đúng quy định của Thông tư 121, Nghị định 71 và Điều lệ Công ty.

Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

Năm 2017, HĐQT đã tiến hành 10 cuộc họp trực tiếp để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Ban hành 06 Nghị quyết và 06 Quyết định. Biên bản, Quyết định và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS. Các cuộc họp HĐQT đều có mời Ban kiểm soát tham dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh.

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1.	127/NQ-HĐQT	10/02/2017	Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2016
2.	128/NQ-HĐQT	10/02/2017	Thông qua chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2017 và chi trả cổ tức năm 2016
3.	172/QĐ-HĐQT	27/02/2017	Quyết định thành lập Chi nhánh Bidiphar tại Kiên Giang
4.	173/QĐ-HĐQT	27/02/2017	Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Trung Tín giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Bidiphar tại Kiên Giang
5.	196/NQ-HĐQT	04/03/2017	Thông qua việc thoái vốn nhà nước tại CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định
6.	235/NQ-HĐQT	15/03/2017	Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
7.	555/NQ-HĐQT	09/06/2017	Về việc chốt sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Bidiphar
8.	654/QĐ-HĐQT	17/07/2017	Quyết định thành lập Chi nhánh Bidiphar tại Tiền Giang
9.	655/QĐ-HĐQT	17/07/2017	Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Cao Vương giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Bidiphar tại Tiền Giang
10.	683/QĐ-HĐQT	21/07/2017	Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2017
11.	685/QĐ-HĐQT	01/08/2017	Quyết định bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh Bidiphar Đồng Nai
12.	1280/NQ-HĐQT	27/12/2017	Nghị quyết thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2018 và năm 2019

- Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch	10	100%
2	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch	10	100%
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên	10	100%
4	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên	10	100%
5	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên	10	100%

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
6	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên độc lập	10	100%
7	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên độc lập	10	100%

c) Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu ban xây dựng chiến lược

- Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất, chất lượng, nghiên cứu : tăng năng suất lao động ; nâng cao chất lượng sản phẩm ; nâng cao tiêu chuẩn nhà máy ; cải tiến sản phẩm ; nghiên cứu sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt, hàm lượng khoa học kỹ thuật cao.
- Tối đa hóa năng lực quản trị, áp dụng mô hình quản trị tổng thể nguồn nhân lực gắn liền với ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực quản trị tài chính và chuỗi cung ứng.

Tiểu ban phát triển thị trường

- Hoàn thành bộ dữ liệu nghiên cứu, phân tích thị trường và đề xuất kế định hướng phát triển trong tương lai;
- Tư vấn cho Lãnh đạo xây dựng các chính sách phát triển thị trường ở trong và ngoài tỉnh, mở rộng hệ thống phân phối;
- Đề xuất các phương án phát triển thị trường theo đặc thù riêng từng địa bàn phù hợp với mục tiêu Công ty ở từng thời điểm.

Tiểu ban truyền thông, pháp chế và quản trị rủi ro

- Điều hành trang web và thường xuyên cập nhật thông tin của Công ty để nhà đầu tư tìm hiểu. Cung cấp các báo cáo tài chính hoặc thông tin quan trọng khác theo Luật định cho UBCKNN đồng thời công bố trên website Công ty;
- Chịu trách nhiệm về những vấn đề pháp lý liên quan đến thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán... Tham mưu cho Lãnh đạo lựa chọn các đơn vị tư vấn phù hợp.

Tiểu ban nhân sự và tiền lương

- Tư vấn, đề xuất HĐQT về Quy chế chi trả lương, thưởng năm 2017 gắn liền với hiệu quả công việc ;
- Tư vấn, đề xuất HĐQT về chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao phù hợp với chiến lược phát triển chung toàn Công ty ;
- Lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo gắn liền với nhu cầu phát triển thị trường.

d) Đào tạo về quản trị Công ty

Tham dự diễn đàn Quản trị Công ty VCGI 2017 “Xung đột Lợi ích và Giao dịch Bên Liên quan” với sự phối hợp của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) dưới sự hỗ trợ của Ủy ban Chứng khoán Việt Nam (SSC) tổ chức.

2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Kiểm soát đã có những ý kiến đóng góp thiết thực về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.
- Kiểm soát báo cáo tài chính, báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ.

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban Kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành của Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

Kết quả kiểm soát, kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2017:

➤ Về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được cung cấp đầy đủ cho Ban Kiểm soát, nội dung các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Trên cơ sở các chỉ tiêu năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã định hướng và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực thi nhiều giải pháp mang tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tài chính, quản lý rủi ro, đầu tư xây dựng cơ bản nhằm đạt mức doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định và định hướng của Hội đồng Quản trị công ty.

Với những định hướng đúng đắn và chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, cùng với việc tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc đã tạo nên kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty đạt kế hoạch mà Đại Hội Cổ đông đã biểu quyết thông qua.

➤ ***Về công tác phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành***

Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các góp ý của Ban Kiểm soát được Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc quan tâm và thực hiện hợp lý.

Các thông tin, tài liệu cuộc họp, biên bản, nghị quyết của Hội đồng Quản trị được cung cấp đầy đủ, kịp thời đến Ban kiểm soát.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực thi có hiệu quả chức năng kiểm soát của mình.

Các đơn vị trực thuộc, phòng ban của Bidiphar tích cực hợp tác, hỗ trợ Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ với mục đích góp phần nâng cao chất lượng công tác quản trị, phòng ngừa rủi ro, đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

➤ ***Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã đề ra.

➤ ***Về công tác kế toán tài chính***

Công ty tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Số liệu trên báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán được công bố thông tin kịp thời và đúng quy định đến các cổ đông và nhà đầu tư.

3. Các giao dịch nội bộ, thù lao HĐQT, BKS

(*) Giao dịch cổ đông nội bộ: Không phát sinh giao dịch

(*) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh giao dịch

Thù lao HĐQT, BKS

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền (đ)
1	Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám Đốc	200.000.000
2	Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc	120.000.000
3	Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc	100.000.000
4	Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc	100.000.000
5	Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	100.000.000
6	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	60.000.000
7	Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	60.000.000
8	Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000
9	Huỳnh Thế Duy	Thành viên BKS	30.000.000
10	Trình Phương Mai	Thành viên BKS	30.000.000

VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp của Tổng giám đốc về phát triển bền vững (PTBV)

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm và trải qua gần 40 năm phát triển, chúng tôi luôn ý thức được quá trình hoạt động luôn được quan niệm và thực thi hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp phải đi đôi với các hoạt động cộng đồng, xã hội và quan tâm xây dựng, bảo vệ môi trường, nhằm mục tiêu hướng đến tương lai. Là ngành sản xuất sản phẩm liên quan đến sức khỏe con người nên chúng tôi càng ý thức hơn về tác động của quá trình đến sức khỏe cộng đồng, đến môi trường chung quanh và đặc biệt là việc bảo đảm sức khỏe cho thế hệ tương lai.

Chúng tôi xây dựng định hướng, tiêu chí phát triển bền vững dựa trên hoạt động cụ thể của công ty, trong đó bao hàm các nội dung chính : tăng trưởng kinh tế bền vững, đảm bảo trách nhiệm xã hội và cam kết bảo vệ môi trường.

“ Chăm sóc sức khỏe, chia sẻ niềm vui” câu slogan đã đi cùng Bidiphar trong nhiều giai đoạn và thể hiện cao nhất trách nhiệm đối với các bên liên quan, Bidiphar thực hiện sứ mệnh chăm sóc sức khỏe cộng đồng, xã hội, chia sẻ niềm vui với đối tác và có trách nhiệm với tương lai.

Trong giai đoạn phát triển mới, hội nhập kinh tế sâu rộng, các chính sách phát triển bền vững ngày nay không những là mối quan tâm của các nhà quản lý mà nó cũng được đưa lên bàn nghị sự của các doanh nghiệp và được đưa vào định hướng phát triển chung trong hoạt động toàn doanh nghiệp. Phát triển bền vững bao quát nhiều vấn đề

như quản trị doanh nghiệp và văn hóa kinh doanh, biến đổi khí hậu và giảm khí thải, quản lý an toàn và sức khỏe môi trường, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, quản lý chuỗi cung ứng có trách nhiệm, và báo cáo thông tin phi tài chính.

Phát triển bền vững là chiến lược quan trọng hàng đầu, là cam kết mà mọi tổ chức, doanh nghiệp đang nỗ lực hoàn thiện. Với kinh nghiệm thực tế hoạt động phát triển, Bidiphar luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của việc đề ra các tiêu chí, các mục tiêu kế hoạch, giải pháp, và cam kết thực hiện các định hướng chiến lược phát triển bền vững một cách triệt để, cụ thể trong từng hoạt động và phổ biến rộng rãi đến tất cả mọi thành viên trong công ty.

2. Tổng quan về phát triển bền vững

a) Khái niệm phát triển bền vững

Quan niệm về phát triển bền vững dần được hình thành từ thực tiễn đời sống xã hội và có tính tất yếu. Tư duy về phát triển bền vững bắt đầu từ việc nhìn nhận tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và tiếp đó là nhận ra sự cần thiết phải giải quyết những bất ổn trong xã hội.

Năm 1992, Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc được tổ chức ở Rio de Janeiro đề ra Chương trình nghị sự toàn cầu cho thế kỷ XXI, theo đó, phát triển bền vững được xác định là : “ Một sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của thế hệ tương lai ”.

Về nguyên tắc, phát triển bền vững là quá trình vận hành đồng thời ba bình diện phát triển : kinh tế tăng trưởng bền vững, xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hoá đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững.

Cho tới nay, quan niệm về phát triển bền vững trên bình diện quốc tế có được sự thống nhất chung và mục tiêu để thực hiện phát triển bền vững trở thành mục tiêu thiên niên kỷ.

b) Tiêu chí phát triển bền vững

Trên cơ sở bộ chỉ tiêu giám sát và đánh giá phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020, Bidiphar đưa ra Bộ tiêu chí của doanh nghiệp bao gồm các chỉ tiêu cụ thể như sau :

- Chỉ tiêu về kinh tế : Hiệu quả hoạt động kinh tế và đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, Đầu tư nghiên cứu phát triển, Phát triển thương hiệu bền vững;
- Chỉ tiêu về xã hội (Chính sách liên quan đến người lao động, Trách nhiệm liên quan đối với cộng đồng địa phương,...);

- Chỉ tiêu về môi trường (Quản lý nguồn nguyên liệu, Tiêu thụ năng lượng, Tiêu thụ nước, Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường).

c) Định hướng phát triển bền vững

Bidiphar đề ra định hướng PTBV giai đoạn 2018-2020 với các mục tiêu chính sau :

Tăng trưởng kinh tế bền vững

Tăng trưởng doanh thu bền vững ở mảng kinh doanh truyền thống, thế mạnh; Quản trị doanh nghiệp minh bạch, sử dụng vốn hiệu quả, tiết kiệm chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận;

Đầu tư nghiên cứu phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra những dòng sản phẩm mới có lợi thế cạnh tranh;

Phát triển thị trường mới, tăng sự hiện diện trên tất cả các kênh hoạt động.

Trách nhiệm cộng đồng xã hội

Xây dựng môi trường làm việc năng động, thoải mái giúp người lao động phát huy hết năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho Công ty. Xây dựng chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, chính sách đào tạo, chăm lo tinh thần người lao động hiệu quả;

Trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương, chú trọng các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng và hỗ trợ tài chính phục vụ cộng đồng.

Cam kết bảo vệ môi trường

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, nước và nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuân thủ các quy định chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường

d) Tâm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Bidiphar

TÂM NHÌN :

Chất lượng – Hiệu quả - Thỏa mãn khách hàng

SỨ MẠNG :

Bidiphar cam kết tạo ra sản phẩm, dịch vụ tốt nhất góp phần tích cực chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chia sẻ niềm vui đối tác, khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

- Lấy nhân lực làm nền tảng phát triển
- Lấy thị trường làm định hướng chính sách
- Lấy khoa học công nghệ làm yếu tố then chốt
- Lấy sự khác biệt để cạnh tranh
- Lấy hiệu quả làm động lực phát triển
- Lấy niềm tin khách hàng làm thước đo giá trị

e) Gắn kết với các bên liên quan

Bidiphar luôn xác định sự gắn kết giữa các bên là yếu tố vô cùng quan trọng trong định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các bên có ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng ở một mức độ nào đó trong hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm: khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư, nhà nước, đối tác và nhà cung cấp, cán bộ nhân viên, cộng đồng và truyền thông. Thông tin, ý kiến phản hồi từ các bên là một trong những yếu tố tác động đến tư duy, hành động của Ban lãnh đạo trong việc quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.

Các Bên liên quan và tiêu chí gắn kết trong hoạt động tại Bidiphar :

Đối tượng	Mục tiêu
Với khách hàng	Cung cấp những sản phẩm có chất lượng tốt và đảm bảo an toàn. Đa dạng hóa sản phẩm và tạo ra những giá trị nâng cao tác dụng trong điều trị Sản phẩm được phân phối với mức giá phù hợp.
Với cổ đông/nhà đầu tư	Đảm bảo cho các cổ đông một khoản đầu tư an toàn, sinh lợi một cách bền vững.
Với nhà nước	Tuân thủ chính sách, quy định nhà nước về thuế và các nghĩa vụ liên quan.
Với đối tác và nhà cung cấp	Cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi của các bên.
Với cán bộ nhân viên	Đảm bảo việc làm ổn định, môi trường làm việc phù hợp năng động, cơ hội phát triển sự nghiệp và thu nhập ngày càng tăng.
Với cộng đồng	Có trách nhiệm chia sẻ và chung tay phát triển cộng đồng.
Với truyền thông	Đưa hình ảnh, thương hiệu của Công ty ngày càng thân thiết với người tiêu dùng. Thông tin chính xác, đầy đủ và hợp pháp.

f) Thông tin về báo cáo PTBV :

Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2017, bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) và các đơn vị thành viên trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin liên hệ

Báo cáo do nhóm truyền thông thực hiện.

Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, Quý vị vui lòng liên hệ:

Website: www.bidiphar.com (mục Liên hệ)

Số Điện thoại: +84 256 3847798 gặp Ông Quách Thành Long - Trưởng nhóm truyền thông.

3. Nội dung phát triển bền vững tại Bidiphar

a) Đảm bảo tăng trưởng bền vững

Thực hiện mục tiêu phát triển và tăng trưởng bền vững, Bidiphar đề ra một số giải pháp chủ yếu; trong đó sự đồng hành và gắn kết với các bên liên quan là vô cùng quan trọng.

Năm 2017, Bidiphar đã về đích với những kết quả khả quan, trong một số chỉ tiêu hiệu quả tăng trưởng so với năm 2016 (%) là :

- Doanh thu tăng trưởng 101%
- Lợi nhuận tăng trưởng 116%
- Vốn chủ sở hữu tăng trưởng 108%
- Thu nhập bình quân người lao động 8,5 triệu đồng/người/tháng.

Giá trị kinh tế mang lại cho các bên liên quan :

Bên liên quan	Nội dung chỉ tiêu	Giá trị
Cổ đông	Cổ tức	78 tỷ đồng
Nhà nước	Tiền thuế nộp NSNN	69 tỷ đồng
Cộng đồng	Hỗ trợ cộng đồng	02 tỷ đồng

b) Tiên phong trong việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học

Thực hiện chuỗi nghiên cứu phát triển sản xuất thuốc điều trị ung thư theo Dự án cấp Nhà nước giai đoạn 2014-2019 :

Là doanh nghiệp tiên phong trong việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, và coi đây là nền tảng cốt lõi cho việc phát triển doanh nghiệp. Trong suốt từ những năm đầu khởi nghiệp cho đến nay Bidiphar luôn tạo ra cho mình những bước ngoặt mang tính lịch sử trong việc nghiên cứu ứng dụng KHCN tạo ra các sản phẩm có hàm lượng chất xám, giá trị cao khi mà thị trường trong nước còn chưa có hoặc phải nhập khẩu từ nước ngoài, đó là các dấu mốc quan trọng

chúng tôi đã nêu ở phần tổng quan. Đặc biệt trong năm 2017, Bidiphar tiếp tục phát triển nhóm các sản phẩm thuốc điều trị ung thư lên con số 26 sản phẩm, chế tạo thành công sản phẩm thiết bị Isolator chuyên dùng trong chế biến thuốc và pha chế thuốc điều trị ung thư trong các cơ sở điều trị.

Là doanh nghiệp được đầu tiên được cấp giấy chứng nhận sản xuất thuốc điều trị ung thư với dây chuyền đạt chuẩn GMP-WHO.

Tiếp tục đầu tư Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư theo tiêu chuẩn cao hơn là GMP EU/PICs tại khu kinh tế Nhơn Hội vào năm 2018.

c) Phát triển thị trường bền vững

Xây dựng và phát triển thị trường nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, xây dựng dựng chuỗi cung ứng sản phẩm tiên tiến, hiện đại, hoạt động chất lượng và gắn với bản sắc văn hóa Bidiphar, đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu tiêu dùng của đông đảo khách hàng trong sứ mệnh chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Năm 2017, Bidiphar đã đưa ra nhiều giải pháp đồng bộ để hoàn thiện hệ thống phân phối theo tiêu chí phát triển đã định hình nêu trên, trong đó có nội dung : phát triển mở rộng các chi nhánh ngoài tỉnh nhằm tăng hiện diện thương hiệu Bidiphar; ứng dụng CNTT vào công tác logictis nhằm tạo điều kiện tốt nhất công tác cung ứng và chăm sóc khách hàng; xây dựng và củng cố đội ngũ nhân viên bán hàng, hoàn thiện chính sách lương và bộ đánh giá KPI cho đến từng nhân viên; chú trọng công tác quản trị nhằm tối ưu hóa việc quản lý hệ thống phân phối tăng tính hiệu quả khi vận hành.

d) Nhân lực là yếu tố cốt lõi

Luôn tuân thủ phương châm lấy nguồn nhân lực làm yếu tố quyết định của mọi sự phát triển. Bidiphar luôn chú trọng xây dựng chính sách và môi trường làm việc phù hợp, hiện đại nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, cống hiến của mình. Thực hiện các chương trình thu hút nhân tài đi kèm với chính sách đãi ngộ hấp dẫn; kết hợp với hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiện có.

e) Đầu tư phát triển cộng đồng

Hoạt động xã hội

Trong năm qua, Công ty đã có nhiều hoạt động xã hội đầy ý nghĩa, đi đầu trong các hoạt động công ích xã hội với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng, trong đó có các hoạt động tiêu biểu như :

- ✓ Tổ chức chương trình “Bếp Cháo Yêu Thương 2017” định kỳ hàng tháng tại các Bệnh viện và Trung tâm y tế trong tỉnh. Mỗi lần cấp phát hơn 300 suất cháo cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại các bệnh viện;

- ✓ Ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Trung và miền Bắc Trung Bộ bị thiệt hại nặng do bão số 10; góp phần hỗ trợ người dân tỉnh nhà giảm bớt khó khăn, khắc phục hậu quả do lũ lụt gây ra;
- ✓ Ủng hộ quỹ từ thiện hỗ trợ người nghèo tỉnh Bình Định; triển khai thăm tặng quà cho gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7;
- ✓ Chương trình Hiến máu nhân đạo “Bidiphar - mỗi giọt máu, một tấm lòng” vẫn được duy trì thường xuyên hàng năm.

Hoạt động Đảng, đoàn thể

Đảng bộ Công ty đã lãnh đạo tốt việc triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội công nhân viên chức hàng năm. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết Đại hội công nhân viên chức năm 2017 đều tăng đáng kể. Thực hiện tốt các mục tiêu cổ phần hóa, đảm bảo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Thực hiện đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ sâu rộng trong toàn đơn vị. Không để xảy ra đơn thư khiếu nại tố cáo, không có vi phạm pháp luật, không xảy ra tai nạn lao động nào;

Ban Chấp hành Công đoàn thường xuyên chỉ đạo các cấp công đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển tổ chức công đoàn và đoàn viên, làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và CNV lao động. Không để xảy ra tình trạng biểu tình, lãn công, đơn thư khiếu kiện;

Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên phối hợp với Đảng ủy cho cán bộ, đoàn viên thanh niên tham gia học tập Nghị quyết của Đảng; phối hợp với các cấp chính quyền làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên thanh niên nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy, kỷ luật của công ty. Tham gia tích cực các hoạt động xung kích do Tỉnh đoàn, Đoàn khối phát động như: tháng thanh niên, thanh niên tình nguyện hè, chương trình hiến máu nhân đạo,... đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận;

Năm 2017 Đảng bộ Công ty được xếp loại “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”. Công đoàn được xếp loại “vững mạnh”. Đoàn thanh niên được xếp loại “vững mạnh xuất sắc”.

f) Quản lý hợp lý và tiết kiệm nguồn nguyên liệu

Với tâm châm luôn gắn liền hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh với chất lượng sản phẩm; vì vậy Bidiphar luôn đặt ra các quy định rất cao trong việc kiểm soát qui trình; kể từ khâu mua nguyên liệu đầu vào, khâu sản xuất đến khâu lưu thông, bảo quản hàng hóa đều được kiểm soát chặt chẽ 100%.

Tại Bidiphar nguồn nguyên liệu chính nhập khẩu là hơn 60%.

Các công ty sản xuất dược phẩm đều bắt buộc sản xuất theo qui trình theo công thức được phê chuẩn của Cục Quản lý dược Bộ Y tế, do đó tất cả các sản phẩm được sản xuất, đóng gói, bảo quản và lưu thông đều được minh bạch và ghi nhận lại thông tin lưu trữ tại đơn vị sản xuất, có thể truy xuất thông tin khi cần thiết. Quá trình quản lý nguyên vật liệu cũng được ghi nhận tương tự về số lượng, chất lượng cho từng lô mề sản xuất và được ghi nhận theo từng Lệnh sản xuất có sự tham gia kiểm tra của bộ phận quản lý chất lượng (QA) và kiểm định chất lượng (QC) trước khi xuất/nhập kho nguyên liệu.

Các đơn vị sản xuất tại mỗi phân xưởng có trách nhiệm báo cáo đánh giá việc sử dụng nguyên liệu cho quá trình sản xuất thành công, báo cáo tỷ lệ, hiệu suất sử dụng nguyên liệu và ghi nhận chi tiết vào tài liệu sản xuất sản phẩm.

g) Sử dụng các nguồn năng lượng

Là doanh nghiệp sản xuất dược phẩm về nguyên tắc phải tuân thủ yêu cầu nghiêm ngặt về sản xuất của tổ chức WHO. Tuy nhiên Bidiphar cũng định hướng việc trở thành doanh nghiệp xanh, sạch và tuân thủ các vấn đề bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.

Nguồn năng lượng chính được sử dụng tại Bidiphar là : điện, nước.

Việc sử dụng hệ thống thiết bị hiện đại với mức tiêu hao điện năng thấp và có thể theo dõi vận hành nhằm đảm bảo sử dụng chi phí tiêu thụ điện năng thấp nhất.

Việc sử dụng nước máy cũng được tiết kiệm thông qua việc sử dụng cơ chế tuần hoàn nước ở một số thiết bị sản xuất.

Xây dựng các chính sách sử dụng tiết kiệm năng lượng và phổ biến đến từng người lao động trong quá trình hoạt động nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí vận hành và cũng là nâng cao một trong các hoạt động phát triển bền vững tại doanh nghiệp, được phát động thi đua hàng năm tại Hội nghị người lao động, giám đốc công ty kêu gọi tất cả người lao động cùng hưởng ứng.

h) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là đơn vị sản xuất dược phẩm liên quan trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, nên luôn ý thức về việc tuân thủ các qui định liên quan về bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, ý thức về PCCC từ Ban lãnh đạo công ty đến người công nhân lao động.

Tất cả các dự án đầu tư mới của Bidiphar đều được các tổ chức kiểm tra và đánh giá tác động môi trường trước khi thực thi. Hệ thống nhà xưởng của Bidiphar đã đạt tiêu chuẩn GMP WHO do Cục Quản lý Dược Việt nam chứng nhận.

Xây dựng khuôn viên cây xanh, hệ thống đường nội bộ sạch đẹp tạo cảnh quan thẩm mỹ trong toàn doanh nghiệp.

Hàng năm Bidiphar luôn được các đơn vị chủ quản, các cơ quan quản xã hội đánh giá cao công tác bảo vệ môi trường và cũng được khen thưởng nhiều thành tích trong lĩnh vực này.

Đơn vị Phòng Cảnh sát công an môi trường/Công an PCCC tỉnh đánh giá Bidiphar là mô hình mẫu về các giải pháp bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng ban
Ông Huỳnh Thế Duy	Thành viên
Bà Trình Phương Mai	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quá	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2018

Số: 344 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0488-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 10 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1867-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.115.417.706.711	1.023.140.020.557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	96.499.799.276	135.548.882.234
1. Tiền	111		53.999.799.276	63.048.882.234
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.500.000.000	72.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		313.801.393.300	274.112.393.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.393.300	1.393.300
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	313.800.000.000	274.111.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		405.932.475.889	372.127.916.079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	339.169.973.209	319.406.083.735
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	72.424.660.963	57.615.319.272
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	585.608.788
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.387.280.909	8.214.722.898
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(11.049.439.192)	(13.693.818.614)
IV. Hàng tồn kho	140	10	289.896.756.500	231.119.057.042
1. Hàng tồn kho	141		289.896.756.500	231.119.057.042
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.287.281.746	10.231.771.902
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	6.026.658.851	6.417.269.413
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.937.553.867	3.814.502.489
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	323.069.028	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		428.772.313.583	411.119.933.526
I. Tài sản cố định	220		246.926.090.813	235.764.715.145
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	194.573.937.101	182.482.309.032
- Nguyên giá	222		445.535.222.752	388.916.546.512
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(250.961.285.651)	(206.434.237.480)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	52.352.153.712	53.282.406.113
- Nguyên giá	228		57.084.211.700	56.427.377.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.732.057.988)	(3.144.971.087)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.268.113.916	31.104.990.452
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	11.268.113.916	31.104.990.452
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		140.091.675.860	132.061.539.733
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	123.583.123.953	115.552.987.826
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	16.508.551.907	16.508.551.907
IV. Tài sản dài hạn khác	260		30.486.432.994	12.188.688.196
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	30.486.432.994	12.188.688.196
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.544.190.020.294	1.434.259.954.083

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo thường niên năm 2017

Trang 65

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		711.179.768.630	661.230.683.709
I. Nợ ngắn hạn	310		655.810.641.815	612.156.084.540
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	196.247.620.157	249.650.094.189
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	31.135.070.338	6.551.342.291
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	30.183.981.936	23.567.266.012
4. Phải trả người lao động	314		40.739.386.772	70.359.021.189
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	91.297.260.308	114.865.053.043
6. Vay ngắn hạn	320	21	195.699.732.056	74.721.502.117
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	70.507.590.248	72.441.805.699
II. Nợ dài hạn	330		55.369.126.815	49.074.599.169
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	23	55.369.126.815	49.074.599.169
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		833.010.251.664	773.029.270.374
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	806.468.316.626	742.684.012.724
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		523.790.000.000	523.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		523.790.000.000	523.790.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.921.442.000	20.921.442.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		57.686.233.807	41.944.812.218
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		204.070.640.819	156.027.758.506
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		156.027.758.506	125.990.185.480
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		48.042.882.313	30.037.573.026
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	25	26.541.935.038	30.345.257.650
1. Nguồn kinh phí	431		20.247.177.170	22.676.735.834
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		6.294.757.868	7.668.521.816
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.544.190.020.294	1.434.259.954.083



Lê Thị Diệu Loan
 Người lập biểu





Nguyễn Thị Mai Hoa
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quá
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng	01		1.459.521.443.028		1.442.509.289.677	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		71.294.044.621		57.607.455.139	
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	28	1.388.227.398.407		1.384.901.834.538	
4. Giá vốn về bán hàng	11	29	897.554.931.536		875.702.436.851	
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		490.672.466.871		509.199.397.687	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	18.773.405.464		16.213.594.465	
7. Chi phí tài chính	22	32	10.811.343.030		9.102.527.699	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.828.194.142		4.498.013.037	
8. Lợi nhuận từ công ty liên kết	24	15	8.030.136.127		10.724.382.085	
9. Chi phí bán hàng	25	33	210.957.435.113		260.803.454.996	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	92.776.906.480		90.386.997.007	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		202.930.323.839		175.844.394.535	
12. Thu nhập khác	31		688.750.946		223.438.352	
13. Chi phí khác	32		22.626.147		186.788.596	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		666.124.799		36.649.756	
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		203.596.448.638		175.881.044.291	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	39.205.654.511		34.389.506.357	
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		164.390.794.127		141.491.537.934	
Phân bổ cho:						
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		164.390.794.127		141.491.537.934	
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-		-	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.825		2.789	



Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu





Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	203.596.448.638	175.881.044.291
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.813.842.330	33.793.831.392
Các khoản dự phòng	03	(2.644.379.422)	(5.149.565.781)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.749.822)	305.753.275
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.735.579.962)	(25.707.873.976)
Chi phí lãi vay	06	6.828.194.142	4.498.013.037
Các khoản điều chỉnh khác	07	15.000.000.000	17.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	233.854.775.904	200.621.202.238
Thay đổi các khoản phải thu	09	(27.298.477.963)	(94.864.570.333)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(58.777.699.458)	(56.924.962.448)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(69.781.216.996)	110.018.251.689
Thay đổi chi phí trả trước	12	(3.604.033.317)	(2.420.437.140)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.172.353.657)	(4.498.013.037)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(30.389.506.356)	(42.250.007.555)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.258.308.500	14.046.154.281
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(32.373.812.948)	(9.241.335.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.715.983.709	114.486.282.463
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(49.726.230.184)	(115.314.455.117)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(39.689.000.000)	(164.111.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.071.891.587	13.178.431.082
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.343.338.597)	(266.247.024.035)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	125.528.652.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	430.086.670.569	46.679.579.730
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(310.738.766.537)	(58.647.288.621)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(104.765.845.499)	(36.637.738.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.582.058.533	76.923.204.159
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(39.045.296.355)	(74.837.537.413)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	135.548.882.234	210.691.770.915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.786.603)	(305.351.268)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	96.499.799.276	135.548.882.234


 Lê Thị Diệu Loan
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Mai Hoa
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Văn Quá
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty mẹ”), tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một Thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH Một Thành viên sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100259564 sửa đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 01 năm 2015, sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 vào Công ty. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 6 ngày 25 tháng 10 năm 2016 cho việc tăng vốn điều lệ do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

Ngày 16 tháng 01 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường UpCoM, với mã chứng khoán DBD.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.170 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.147)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất dược phẩm, dược liệu
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt
- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton

- In ấn
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết trùng, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế
- Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ
- Khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán hàng dược phẩm, dược liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, vật tư ngành y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con, công ty liên kết và các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Mã số doanh nghiệp	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao	Tỉnh Bình Định	4101470866	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	Tỉnh Bình Định	4101473183	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Tỉnh Bình Định	4101473176	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

Trong năm 2017, các công ty con đang trong giai đoạn thuê đất và thiết kế ý tưởng.

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Mã số doanh nghiệp	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Tỉnh Bình Định	4100661635	33,58	33,58	Khai thác, chế biến mủ cao su

Tên chi nhánh	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại thành phố Hồ Chí Minh	433/26 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đà Nẵng	76 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
3. Trung tâm Cung ứng Thuốc và Mỹ phẩm Quy Nhơn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 365, Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Cần Thơ	Lô A3-3, A3-4, A3-5, Đường số 9, Khu nhà ở Nam Long (Đô thị mới Nam sông Cần Thơ), Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
5. Chi nhánh Bidiphar Huyện Phù Cát - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 155, Quang Trung, Thị trấn Ngô Mây, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.
6. Chi nhánh Bidiphar Huyện Hoài Nhơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 212, Quang Trung, Thị trấn Bồng Sơn, Huyện Hoài Sơn, Tỉnh Bình Định.
7. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tuy Phước - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Đường Trần Phú, Thị trấn Diêu Trì, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.
8. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tây Sơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 176 Quang Trung, Thị trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.
Tên chi nhánh (Tiếp theo)	Địa chỉ (Tiếp theo)
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Thành phố Hà Nội	Số 1038, Đường Nguyễn Khoái, Tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

10. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Nghệ An	LKH 21 – Khu đô thị Vinaconex 9, Đại lộ Lê Nin, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
11. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đắk Lắk	Số 419 Khu Tái định cư, Phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
12. Chi nhánh Bidiphar Thị xã An Nhơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 56 Nguyễn Sinh Sắc, Phường Bình Định, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.
13. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Trị	Số 06 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.
14. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Ngãi	Số 202, Đường Nguyễn Trãi, Phường Nghĩa Lộ, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
15. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Khánh Hòa	18 Khu B, Số 2 Lê Hồng Phong, Phường Phước Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
16. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đồng Nai	J37, J38 Đường N4, KDC Liên Kế, KP 1, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
17. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Thanh Hóa	Số 23/124 Nguyễn Tĩnh, Phường Đông Hương, Tp Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.
18. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Hải Phòng	Lô 19N05 Đường Lê Duẩn, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An, Tp Hải Phòng.
19. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Phú Thọ	Khu đô thị Minh Phương, Đường Nguyễn Trãi, Phường Minh Phương, Việt Trì, Phú Thọ.
20. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Tiền Giang	Số 498 Nguyễn Thị Thập, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
21. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Kiên Giang	Số 91 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Một số máy móc thiết bị được áp dụng mức khấu hao nhanh bằng hai lần mức khấu hao đường thẳng như trên, phù hợp với hướng dẫn của các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao theo quy định hiện hành.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 - 8 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và chi phí trả trước khác. Tiền thuê đất trả trước sẽ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê đất, sử dụng phương pháp đường thẳng. Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng một năm đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

Chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Nếu hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp Công ty trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hợp lý của số hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số phải giảm giá, chiết khấu cho người mua được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Nếu hợp đồng giữa Công ty và bên thứ ba đó không mang tính chất hợp đồng đại lý, khi bên thứ ba thực hiện việc cung cấp hàng hóa,

dịch vụ, chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển sang doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Nếu hợp đồng mang tính chất đại lý, chỉ phân chênh lệch giữa khoản doanh thu chưa thực hiện và số tiền phải trả cho bên thứ ba mới được ghi nhận là doanh thu. Số tiền thanh toán cho bên thứ ba được coi như việc thanh toán khoản nợ phải trả.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và

thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	661.496.804	986.809.868
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.338.302.472	62.062.072.366
Các khoản tương đương tiền	42.500.000.000	72.500.000.000
	96.499.799.276	135.548.882.234

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ một tháng đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 4,7%/năm đến 5,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 4,6%/năm đến 5,4%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên ba tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 5,3% đến 6,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 5,2%/năm đến 6%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
a. Phải thu bên thứ ba	339.169.973.209	319.406.083.735
Trung tâm Y tế Thành phố Quy Nhơn	4.084.051.267	7.859.818.610
FD Pharma Co., Ltd.	7.701.296.381	7.718.285.784
Bệnh Viện Ung Bướu TP.HCM	2.735.985.068	7.174.316.324
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Bình Định	22.751.081.637	6.486.880.916
Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng	5.375.293.118	5.868.516.440
Bệnh Viện Nguyễn Tri Phương	3.113.440.865	5.819.640.923
Bệnh Viện Đà Nẵng	2.002.127.852	5.477.136.021
Công ty TNHH Thành Thy	7.302.260.000	5.200.000.000
Bệnh Viện Nhân Dân 115	375.736.939	4.879.408.362
Trung Tâm Y Tế Phù Mỹ	1.484.476.797	4.847.526.069
Bệnh Viện Ung Bướu Cần Thơ	3.532.368.569	4.705.273.555
CBF Pharma Co., Ltd.	1.728.122.622	4.712.232.208
Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	4.499.204.474	4.319.750.450
Bệnh viện Bình Dân	1.194.552.494	3.996.085.358
Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	475.293.840	3.717.924.196
Bệnh viện Trung Ương Huế	6.617.027.680	3.472.586.170
Bệnh viện K	6.453.521.718	3.112.257.300
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Phú Thọ	2.483.082.252	3.082.960.566
Bệnh viện Từ Dũ	168.939.946	3.054.372.697
Công ty TNHH Phúc An	-	2.753.912.959
Bệnh viện Chợ Rẫy	4.063.727.411	2.638.840.319
Bệnh viện Đa khoa TP Cần Thơ	2.278.820.908	2.623.681.587
Công ty Đông Phương	-	2.518.651.346
Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An	6.393.176.254	2.471.034.200
Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	1.572.269.850	2.415.361.959
Bệnh viện Nguyễn Trãi	343.929.718	2.402.975.616
Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực Củ Chi	951.937.418	2.274.333.091
Bệnh viện Quận 8	630.611.738	2.254.628.458
Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng	2.232.486.085	2.247.325.669
Bệnh viện Mắt Bình Định	-	2.176.272.822
Trung Tâm Y Tế Vĩnh Thạnh	2.996.944.039	2.176.214.979
Bệnh viện Nhi Đồng 1	42.815.999	2.171.944.037
CBF Coffee Co., Ltd.	2.137.111.408	2.141.825.971
Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Quảng Ngãi	2.474.476.243	2.001.534.711
Các khách hàng khác	228.973.802.619	188.632.574.062
b. Phải thu bên liên quan	-	-
	<u>339.169.973.209</u>	<u>319.406.083.735</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
a. Ứng trước bên thứ ba	72.424.660.963	57.615.319.272
Công ty TNHH Dược Phẩm Trang Thiết Bị Y Tế T.D	60.461.100.000	-
Các nhà cung cấp khác	11.963.560.963	57.615.319.272
b. Ứng trước bên liên quan	-	-
	<u>72.424.660.963</u>	<u>57.615.319.272</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng mua hàng hoá, dịch vụ	655.888.660	1.222.952.186
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	288.204.349	120.141.878
Lãi dự thu	3.657.954.724	4.024.402.476
Các khoản phải thu khác	785.233.176	2.847.226.358
	5.387.280.909	8.214.722.898

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm nay và các năm trước.

	VND
Số dư đầu năm trước	18.843.384.395
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.149.565.781)
Số dư đầu năm nay	13.693.818.614
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.644.379.422)
Số cuối năm	11.049.439.192

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Giá gốc	14.259.735.825	53.991.549.743
Dự phòng	(11.049.439.192)	(13.693.818.614)

Chi tiết nợ phải thu quá hạn theo đối tượng như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
CBF Coffee Co.,ltd	2.048.372.348	528.193.154	1.293.810.700	-
F.D PHARMA Co.,ltd - Cambodia	7.373.536.864	-	7.373.536.864	-
Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định	749.767.960	128.012.843	1.047.395.135	365.277.651
Trung tâm y tế Huyện Vĩnh Thạnh	1.065.940.519	746.158.363	-	-
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phúc An	-	-	2.753.912.959	799.932.967
Công ty Trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Đông Phương	-	-	2.518.651.346	986.394.669
Bệnh viện đa khoa Tỉnh Bình Thuận	-	-	695.979.554	481.482.088
Bệnh viện đa khoa Thành Phố Vinh	584.043.673	408.830.571	-	-
Các khách hàng khác	2.438.074.461	1.399.101.702	1.578.400.579	934.781.148
	14.259.735.825	3.210.296.633	17.261.687.137	3.567.868.523

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	22.602.179.014	-	9.378.131.212	-
Nguyên liệu, vật liệu	97.611.377.445	-	102.393.581.842	-
Công cụ, dụng cụ	750.000.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.699.159.320	-	12.130.527.257	-
Thành phẩm	117.970.824.388	-	79.319.439.684	-
Hàng hoá	37.263.216.333	-	27.897.377.047	-
	289.896.756.500	-	231.119.057.042	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	6.026.658.851	6.417.269.413
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.552.925.480	3.731.978.762
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.473.733.371	2.685.290.651
b. Dài hạn	30.486.432.994	12.188.688.196
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.954.399.628	1.379.840.456
Chi phí tiền thuê đất	22.797.142.043	8.494.041.124
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.734.891.323	2.314.806.616
	36.513.091.845	18.605.957.609

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	134.795.742.630	217.757.032.575	28.298.619.291	8.065.152.016	388.916.546.512
Mua trong năm	1.627.539.807	12.230.097.310	983.993.637	4.202.490.909	19.044.121.663
Xây dựng cơ bản hoàn thành	14.681.424.413	19.425.768.281	3.781.641.528	602.639.489	38.491.473.711
Thanh lý, nhượng bán	-	(728.828.225)	-	(188.090.909)	(916.919.134)
Số cuối năm	<u>151.104.706.850</u>	<u>248.684.069.941</u>	<u>33.064.254.456</u>	<u>12.682.191.505</u>	<u>445.535.222.752</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	48.832.883.683	140.124.825.637	13.025.854.420	4.450.673.740	206.434.237.480
Khấu hao trong năm	8.733.807.989	31.084.928.281	4.134.629.327	1.490.601.708	45.443.967.305
Thanh lý, nhượng bán	-	(728.828.225)	-	(188.090.909)	(916.919.134)
Số cuối năm	<u>57.566.691.672</u>	<u>170.480.925.693</u>	<u>17.160.483.747</u>	<u>5.753.184.539</u>	<u>250.961.285.651</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	<u>85.962.858.947</u>	<u>77.632.206.938</u>	<u>15.272.764.871</u>	<u>3.614.478.276</u>	<u>182.482.309.032</u>
Tại ngày cuối năm	<u>93.538.015.178</u>	<u>78.203.144.248</u>	<u>15.903.770.709</u>	<u>6.929.006.966</u>	<u>194.573.937.101</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 157.902.755.032 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 115.573.095.767 đồng).

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

13. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	45.077.197.650	11.350.179.550	56.427.377.200
Mua trong năm		148.289.500	148.289.500
Xây dựng cơ bản hoàn thành	8.545.000	500.000.000	508.545.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	<u>45.085.742.650</u>	<u>11.998.469.050</u>	<u>57.084.211.700</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	1.105.470.799	2.039.500.288	3.144.971.087
Khấu hao trong năm	228.189.055	1.358.897.846	1.587.086.901
Số cuối năm	<u>1.333.659.854</u>	<u>3.398.398.134</u>	<u>4.732.057.988</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>43.971.726.851</u>	<u>9.310.679.262</u>	<u>53.282.406.113</u>
Tại ngày cuối năm	<u>43.752.082.796</u>	<u>8.600.070.916</u>	<u>52.352.153.712</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nguyên giá của tài sản vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 709.403.250 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 161.989.091 đồng).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hệ thống pha chế dịch thận	2.061.518.916	-
Chi phí xây dựng chi nhánh Hải Phòng	2.052.218.182	-
Hệ thống isolator kết nối cân	1.540.091.596	-
Dự án trồng cây dược liệu	2.208.185.883	2.569.533.273
Phần mềm quản lý phân phối và bán hàng	1.021.713.500	-
Chi phí xây dựng cải tạo trung tâm nghiên cứu	-	8.400.013.022
Kho lưu trữ	-	2.935.641.721
Hệ thống lạnh kho thành phẩm	-	2.556.277.460
Chi phí thuê đất xây dựng nhà máy sản xuất	-	2.082.020.780
Phần mềm SAP ERP	-	585.000.000
Khác	2.384.385.839	11.976.504.196
	<u>11.268.113.916</u>	<u>31.104.990.452</u>

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá gốc khoản đầu tư	92.868.048.000	92.868.048.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	30.715.075.953	22.684.939.826
	123.583.123.953	115.552.987.826

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	493.238.981.726	489.233.103.065
Tổng công nợ	(125.190.597.276)	(145.099.623.290)
Tài sản thuần	368.048.384.450	344.133.479.775
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào Công ty liên kết	123.583.123.953	115.552.987.826
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần	23.914.904.672	31.938.758.094
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết trong năm	8.030.136.127	10.724.382.085

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Số lượng Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
			VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	13,50%	405.000	12.995.016.936	-	12.995.016.936	-
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	1,29%	205.710	1.513.534.971	-	1.513.534.971	-
Công ty TNHH Thiên Phúc	10,00%	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
			16.508.551.907	-	16.508.551.907	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các đơn vị nhận đầu tư đều có lợi nhuận nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
a. Phải trả là bên thứ ba	196.247.620.157	249.650.094.189
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	64.859.631.137	70.519.556.117
Công ty Cổ phần SX Oai Hùng Constantia	2.647.775.320	1.536.472.877
Công ty Sapharco	30.073.213	13.576.070.582
Công ty TNHH Bao Bì Lạc Việt	2.454.347.996	4.271.977.138
Công ty Cổ phần In & Bao Bì Bình Định	3.950.203.272	2.330.693.439
Công ty Cổ phần Dược DANAPHA	200.942.383	1.619.355.267
Công ty Cổ phần SUNDIAL Pharma	606.985.985	5.332.795.027
Chi nhánh Miền Trung Công ty Cổ phần Traphaco	1.221.281.390	2.179.045.625
Chi nhánh Tân Bình Công ty HAPHACO	2.596.503.874	2.476.958.037
Công ty Vipharco	376.894.082	1.400.503.502
Công ty Thiên Bảo Nguyên	1.304.688.606	2.598.416.646
Công ty Trung Lập	671.831.714	3.705.903.964
Công ty TNHH TM Phát An	1.530.100.000	2.158.335.000
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	4.770.307.500	2.994.429.375
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh Đông Á	368.542.900	4.549.959.316
Công Ty TNHH Suheung Việt Nam	2.937.249.000	1.717.991.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Gon Sa Miền Trung	929.898.609	2.099.408.471
Công ty Dược Hoài Phương	1.230.600.000	2.182.556.250
Cửa hàng Lộc Phát	1.559.709.720	2.147.076.574
Dược Phẩm Hữu Nghị	565.349.085	1.664.029.500
Dược Phẩm Me Ta	2.155.163.912	1.546.588.224
KHS Synchemica Corp.	4.475.078.750	4.678.673.050
Symbiotec Pharmed Limited	1.473.876.000	4.034.744.000
Nectar Lifesciences Limited	5.486.094.000	3.434.453.000
Shanghai Tofflon Science and Technology Co., Ltd	2.745.321.500	10.998.454.000
Gold Lite Pte. Ltd.	7.427.618.573	-
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu & Thiết Bị Y Tế Đông Nam	-	2.161.932.001
Công ty C.M.C Bình Định	-	2.163.227.740
Công ty TNHH Kinh BỐ	-	1.400.000.000
Công ty TNHH Minh Tuệ	-	2.469.626.460
Lupin Limited	-	2.478.412.500
Kopran limited	-	3.901.648.000
HanAll Biopharma Co., Ltd.	-	1.655.921.400
Công ty TNHH May Thêu Giày An Phước	-	1.409.863.201
Các nhà cung cấp khác	77.671.551.636	76.255.016.906
b. Phải trả bên liên quan	-	-
	<u>196.247.620.157</u>	<u>249.650.094.189</u>

Tất cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng thanh toán.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Kỹ Thuật Đông Nam	21.126.618.750	-
Các khoản ứng trước từ khách hàng khác	10.008.451.588	6.551.342.291
	31.135.070.338	6.551.342.291

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/ nộp trong năm VND	Số đã thực thu/ nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	238.150.531	5.424.422.435	5.338.601.955	323.971.011
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	13.904.454.829	14.147.105.078	(242.650.249)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.015.259.635	3.033.826.302	(18.566.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.389.506.358	39.205.654.511	30.389.506.356	27.205.654.513
Thuế thu nhập cá nhân	4.939.609.123	5.984.132.607	8.331.237.430	2.592.504.300
Thuế đất	-	1.388.609.364	1.388.609.364	-
Thuế khác	-	301.916.334	301.916.334	-
	23.567.266.012	69.224.449.715	62.930.802.819	29.860.912.908

Trong đó

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			(323.069.028)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23.567.266.012			30.183.981.936

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	78.669.574.051	104.866.919.550
Kinh phí công đoàn	1.276.680.192	1.754.228.443
Bảo hiểm xã hội	-	1.896.525.452
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.351.006.065	6.347.379.598
	91.297.260.308	114.865.053.043

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	22.432.921.049	394.200.827.445	274.471.151.628	142.162.596.866
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	266.795.608.706	147.795.608.706	119.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	22.432.921.049	112.405.218.739	112.875.542.922	21.962.596.866
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	15.000.000.000	13.800.000.000	1.200.000.000
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên	52.288.581.068	37.516.169.031	36.267.614.909	53.537.135.190
	74.721.502.117	431.716.996.476	310.738.766.537	195.699.732.056

Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định thể hiện các hợp đồng tín dụng với hạn mức lần lượt là 90.000.000.000 đồng và 84.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Các hợp đồng tín dụng này có thời hạn vay là dưới 6 tháng với lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ.

Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 40.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay là 4 tháng với lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ.

Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 15.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay là 6 tháng với lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này đã được thanh toán trong tháng 1 năm 2018.

Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên thể hiện khoản vay tín chấp từ tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty với thời hạn một năm, áp dụng mức lãi suất là 7,2%/năm.

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được hình thành từ việc trích lập lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Ban Quản lý Điều hành Công ty.

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban điều hành VND	Tổng VND
Số đầu năm	47.392.636.157	20.717.409.568	4.331.759.974	72.441.805.699
Tăng từ lợi nhuận	10.494.281.060	5.247.140.529	3.148.284.318	18.889.705.907
Tăng khác	76.840.000	-	-	76.840.000
Sử dụng quỹ	(15.198.700.000)	(1.375.061.358)	(4.327.000.000)	(20.900.761.358)
Số cuối năm	42.765.057.217	24.589.488.739	3.153.044.292	70.507.590.248

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích từ lợi nhuận trước thuế theo Thông tư số 105/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2012 (sửa đổi, bổ sung Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2011), để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng theo Quyết định số 01/CTDĐTBYT ngày 01 tháng 01 năm 2009 khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện.

Biến động của Quỹ phát triển và khoa học công nghệ trong năm như sau:

	Quỹ phát triển khoa học công nghệ VND	Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Tổng VND
Số đầu năm	17.418.650.286	31.655.948.883	49.074.599.169
Trích lập từ lợi nhuận trước thuế năm nay	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Tăng khác	137.975.411	2.504.545.454	2.642.520.865
Giảm quỹ	(2.504.545.454)	-	(2.504.545.454)
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(8.843.447.765)	(8.843.447.765)
Số cuối năm	30.052.080.243	25.317.046.572	55.369.126.815

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Số đầu năm	419.182.790.000	-	28.242.535.173	106.719.329.346	554.144.654.519
Tăng vốn trong năm	104.607.210.000	20.921.442.000	-	-	125.528.652.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	141.491.537.934	141.491.537.934
Chia cổ tức	-	-	-	(78.568.500.000)	(78.568.500.000)
Trích lập các quỹ	-	-	13.702.277.045	(13.702.277.045)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.442.732.454)	(16.442.732.454)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	(2.740.455.409)	(2.740.455.409)
Tăng do hợp nhất	-	-	-	19.270.856.134	19.270.856.134
Số cuối năm	523.790.000.000	20.921.442.000	41.944.812.218	156.027.758.506	742.684.012.724
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Số đầu năm	523.790.000.000	20.921.442.000	41.944.812.218	156.027.758.506	742.684.012.724
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	164.390.794.127	164.390.794.127
Chia cổ tức	-	-	-	(78.568.500.000)	(78.568.500.000)
Trích lập các quỹ	-	-	15.741.421.589	(15.741.421.589)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(18.889.705.907)	(18.889.705.907)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	(3.148.284.318)	(3.148.284.318)
Số cuối năm	523.790.000.000	20.921.442.000	57.686.233.807	204.070.640.819	806.468.316.626

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 280/NQ-ĐHĐCĐ2017 ngày 25 tháng 3 năm 2017 đã phê duyệt việc chia cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 13.702.277.045 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế và thưởng Ban điều hành 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 16.442.732.454 đồng;
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 2.740.455.409 đồng;
- Chia cổ tức 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 78.568.500.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã tạm trích lập các quỹ và cổ tức từ lợi nhuận sau thuế 2017 căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 280/NQ-ĐHĐCĐ2016 ngày 25 tháng 3 năm 2017 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 15.741.421.589 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế và thưởng Ban điều hành 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 18.889.705.907 đồng;
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 3.148.284.318 đồng;
- Tạm trích cổ tức 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 78.568.500.000 đồng.

Số liệu cuối cùng về chia cổ tức và trích lập các quỹ từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 sẽ được các cổ đông của Công ty phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

Cổ phần:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	52.379.000	52.379.000
+ Cổ phần phổ thông	52.378.915	52.378.915
+ Cổ phiếu quỹ	85	85
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	52.378.915	52.378.915
+ Cổ phần phổ thông	52.378.915	52.378.915
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 523.790.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Cổ đông Nhà nước - Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	6.984.955	13,34	69.849.550.000	17.460.755	33,34	174.607.550.000
Các cổ đông khác	45.394.045	86,66	453.940.450.000	34.918.245	66,66	349.182.450.000
	52.379.000	100	523.790.000.000	52.379.000	100	523.790.000.000

25. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Nguồn kinh phí và quỹ khác thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định liên quan tới hợp đồng “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định” số 09/2014/SKH-CN-HĐ/DA KH-CN ngày 22 tháng 10 năm 2014 giữa Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định và Công ty với tổng kinh phí của hợp đồng là 59.500.000.000 đồng. Hợp đồng này được thực hiện trong vòng 5 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã quyết toán chi phí việc thực hiện đề tài là 26.600.962.232 đồng, trong đó mua sắm tài sản là 7.453.705.000 đồng.

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chủ yếu hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh là ngành dược phẩm, vật tư y tế và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (“USD”)	54.940	6.692
Euro (“EUR”)	100	100

28. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng	1.459.521.443.028	1.442.509.289.677
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán dược phẩm	1.318.633.676.336	1.310.142.050.400
Doanh thu bán vật tư y tế	122.066.889.354	121.095.715.487
Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	16.883.883.316	9.254.774.339
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.936.994.022	2.016.749.451
Các khoản giảm trừ doanh thu	71.294.044.621	57.607.455.139
Chiết khấu thương mại	61.569.442.929	50.880.535.932
Giảm giá hàng bán	322.082.915	240.998.970
Hàng bán bị trả lại	9.402.518.777	6.485.920.237
	<u>1.388.227.398.407</u>	<u>1.384.901.834.538</u>

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Giá vốn bán dược phẩm	767.295.913.354	753.298.447.064
Giá vốn bán vật tư y tế	113.705.584.153	108.552.582.592
Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	15.058.950.637	8.217.367.198
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.494.483.392	5.634.039.997
	<u>897.554.931.536</u>	<u>875.702.436.851</u>

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	394.124.824.614	380.353.892.660
Chi phí nhân công	159.593.294.768	206.376.085.234
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.813.842.330	33.793.831.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.669.310.315	120.130.644.781
Chi phí khác bằng tiền	86.204.505.736	91.579.131.408
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(2.644.379.422)	(4.878.066.678)
	<u>801.761.398.341</u>	<u>827.355.518.797</u>

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.871.726.163	14.798.432.089
Cổ tức, lợi nhuận được chia	833.717.672	185.059.802
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán	942.203.433	974.738.917
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.749.822	-
Khác	122.008.374	255.363.657
	<u>18.773.405.464</u>	<u>16.213.594.465</u>

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	6.828.194.142	4.498.013.037
Chiết khấu thanh toán	3.480.516.748	2.527.401.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán	481.192.664	1.771.360.260
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21.439.476	305.753.275
	<u>10.811.343.030</u>	<u>9.102.527.699</u>

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	86.312.749.591	129.989.062.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.759.145.827	4.474.307.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.169.889.666	49.608.916.070
Chi phí bán hàng khác	70.715.650.029	76.731.169.214
	<u>210.957.435.113</u>	<u>260.803.454.996</u>

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	37.734.215.831	43.681.653.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.956.196.676	9.464.063.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.318.689.673	32.642.008.058
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.412.183.722	9.477.339.180
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(2.644.379.422)	(4.878.066.678)
	<u>92.776.906.480</u>	<u>90.386.997.007</u>

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chịu trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	39.205.654.511	34.288.813.175
- Điều chỉnh Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		100.693.182
	<u>39.205.654.511</u>	<u>34.389.506.357</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	203.596.448.638	175.881.044.291
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(834.718.796)	(185.059.802)
Trừ: Lợi nhuận từ công ty liên kết	(8.030.136.127)	(10.724.382.085)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.296.678.841	6.472.588.243
Thu nhập tính thuế	196.028.272.556	171.444.190.647
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập tính thuế	<u>39.205.654.511</u>	<u>34.288.813.175</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2016: 20%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	164.390.794.127	141.491.537.934
Điều chỉnh		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>16.439.079.413</i>	<i>16.442.732.454</i>
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông	147.951.714.714	125.048.805.480
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (cổ phiếu)	52.379.000	44.833.562
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>2.825</u>	<u>2.789</u>

Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được ước tính theo mức 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 280/NQ-ĐHĐCĐ2017 ngày 25 tháng 3 năm 2017.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	Cổ đông lớn Công ty có đồng chủ tịch và thành viên hội đồng quản trị

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được nhận trong năm như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>3.688.548.875</u>	<u>3.780.922.730</u>

Trong năm, Công ty không có giao dịch nào phát sinh đối với các Công ty liên kết.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Cổ tức phải trả		
Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	10.477.432.50	52.382.400.00
	<u>0</u>	<u>0</u>

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 3.657.954.724 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.024.402.476 đồng) là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 78.669.574.051 đồng là cổ tức mà cổ đông chưa nhận tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 104.866.919.550 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 6.619.628.700 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2018